**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**HỘI THI “THANH NIÊN VỚI BIỂN, ĐẢO QUÊ HƯƠNG” NĂM 2021**

**\*\*\***

**Câu 1. Hiện nay huyện đảo Hoàng Sa thuộc quyền quản lý hành chính của tỉnh, thành phố nào?**

**a. Thành phố Đà Nẵng**

b. Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

c. Tỉnh An Giang

d. Tỉnh Trà Vinh

**Câu 2. Bạn hãy cho biết từ viết tắt DOC là gì?**

**a. DOC là tên viết tắt tiếng Anh của Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông năm 2002.**

b. DOC là tên viết tắt tiếng Anh của quyền tài phán trên Biển Đông

c. DOC là tên viết tắt của tiếng Anh của Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông.

d. Tất cả đều sai.

**Câu 3. Bạn hãy cho biết biển nước ta gồm mấy vùng?**

**Đáp án:**05 vùng (nội thủy; lãnh hải; vùng tiếp giáp lãnh hải; vùng đặc quyền kinh tế; vùng thềm lục địa).

**Câu 4. Bạn hãy cho biết diện tích Vịnh Bắc Bộ khoảng bao nhiêu km²?**

a. 116.200 km² c. 136.350 km²

**b. 126.250 km²** d. 146.450 km²

**Câu 5. Bạn hãy cho biết Việt Nam và Trung Quốc bắt đầu đàm phán phân định Vịnh Bắc Bộ khi nào?**

**a. Từ năm 1974 – 2000** c. Từ năm 1974 – 2007

b. Từ năm 1974 – 2003 d. Từ năm 1974 – 2009

**Câu 6. Câu “Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, được nêu tại Luật nào của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam?**

**Đáp án:**Tại Luật Biên giới quốc gia.

**Câu 7. “Đoàn tàu không số” là tên gọi của đơn vị vận tải thủy nào? Được thành lập vào ngày, tháng, năm nào?**

**Đáp án:** Đoàn 759, được thành lập vào ngày 23/10/1961.

**Câu 8. Vịnh Hạ Long mấy lần được UNESCO công nhận là Di sản thế giới? Vào năm nào?**

**a. 2 lần vào năm 1994 và năm 2000**

b. 1 lần vào năm 2012

c. 2 lần vào năm 1990 và năm 2000

d. Chưa được công nhận lần nào

**Câu 9. Bạn hãy cho biết Việt Nam hiện đã xác lập chủ quyền bao nhiêu đảo nổi và đảo chìm ở quần đảo Trường Sa?**

**a. 21 đảo**  c. 30 đảo

b. 25 đảo  d. 40 đảo

**Câu 10. Hiện nay huyện đảo Trường Sa thuộc quyền quản lý hành chính của tỉnh, thành phố nào?**

a. Tỉnh Bình Thuận  c. Tỉnh Kiên Giang

**b. Tỉnh Khánh Hòa**  d. Thành phố Cần Thơ

**Câu 11. Quần đảo Trường Sa được giải phóng vào ngày, tháng, năm nào?**

a. 30/4/1975 c. 19/4/1975

**b. 29/4/1975** d. 15/4/1975

**Câu 12. Bờ biển nước ta kéo dài từ tỉnh nào đến tỉnh nào?**

**a. Quảng Ninh đến Kiên Giang**  c. Thái Bình đến Cà Mau

b. Hải Phòng đến Cần Thơ  d. Nam định đến Bình Thuận

**Câu 13. “Bãi Cát Vàng” là tên gọi ngày xưa của địa danh nào ở thành phố Đà Nẵng?**

**a. Quần đảo Hoàng Sa**  c. Quần đảo Cát Bà

b. Bán đảo Sơn Trà d. Quần đảo Cô Tô

**Câu 14. Nước ta có bao nhiêu huyện ven biển?**

**a. 125**  c. 100

b. 150  d. 80

**Câu 15. Quần đảo nào của nước ta xa bờ nhất?**

**a. Trường Sa**  c. Hà Tiên

b. Hoàng Sa  d. An Thới

**Câu 16. Ô nhiễm từ các hoạt động liên quan đến đáy biển bao gồm?**

a. Các hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí.

b. Các hoạt động thăm dò và khai thác khoáng sản, quặng đa kim.

c. Các hoạt động khoan, đào, nổ nhằm mục đích xây dựng đường hầm, đặt cáp, ống dẫn.

**d. Cả 3 đáp án trên.**

**Câu 17. Về mặt tự nhiên rừng ngập mặn có tác dụng?**

a. Chắn sóng  c. Hạn chế xói lở

b. Bảo vệ đê  **d. Tất cả các ý trên**

**Câu 18. Đảo Ngọc Phú Quốc là thiên đường nhiệt đới của vịnh nào?**

a. Vịnh Cam Ranh  c. Vịnh Nha Trang

b. Vịnh Lăng Cô  **d. Vịnh Thái Lan**

**Câu 19. Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, ô nhiễm môi trường biển bao gồm mấy nguồn chính?**

a. 5.  **b. 6**  c. 7.  d. 8.

Giải thích: 6 nguồn chính gây ra ô nhiễm môi trường biển

1- Ô nhiễm bắt nguồn từ đất liền kể cả các ô nhiễm xuất phát từ các dòng sông, ngòi, cửa sông, ống dẫn và các thiết bị thải đổ công nghiệp.

2- Ô nhiễm do các hoạt động liên quan đến đáy biển thuộc quyền tài phán của quốc gia ven biển, hay xuất phát từ các đảo nhân tạo, các công trình thiết bị thuộc quyền tài phán của họ.

3- Ô nhiễm do các hoạt động trong Vùng (tức Vùng đáy biển di sản chung của loài người) lan truyền tới.

4- Ô nhiễm do sự nhận chìm và trút bỏ chất thải

5- Ô nhiễm do hoạt động của các loại tàu thuyền và tai nạn tàu thuyền trên biển

6- Ô nhiễm có nguồn gốc từ bầu khí quyển hay qua bầu khí quyển.

**Câu 20. Một trong ba cảng biển tự nhiên tốt nhất thế giới của nước ta là?**

a. Cảng Cái Lân c. Cảng Đà Nẵng

b. Cảng Chân Mây **d. Cảng Cam Ranh**

**Câu 21. Bạn hãy cho biết hòn đảo nào được mệnh danh là “Địa ngục trần gian” ở nước ta?**

a. Côn Sơn c. Lý Sơn

b. Cát Bà **d. Côn Đảo**

**Câu 22. Lễ “Khao lề thế lính” là một nghi lễ truyền thống của huyện đảo nào?**

**a. Lý Sơn** c. Côn Đảo

b. Phú Quốc d. Cô Tô

**Câu 23. Đảo Bạch Long Vĩ thuộc vịnh nào của Việt Nam?**

**a. Vịnh Bắc Bộ** c. Vịnh Hạ Long

b. Vịnh Thái Lan d. Vịnh Vân Phong

**Câu 24.**Việt Nam nằm ở phía nào của Biển Đông?

a. Phía Đông Nam c. Phía Nam

**b. Phía Tây** d. Phía Tây Bắc

**Câu 25. Lễ hội Nghinh Ông của địa phương nào được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia vào năm 2013?**

**a. Lễ hội Nghinh Ông, huyện Cần Giờ, TP HCM**

b. Lễ hội Nghinh Ông, Cà Mau

c. Lễ hội Nghinh Ông, Vũng Tàu

d. Lễ hội Nghinh Ông, Phú Quốc

**Câu 26. Ô nhiễm biển từ tàu chiếm bao nhiêu phần trăm ô nhiễm môi trường biển?**

a. 10%. b. 11% **c. 12%.** d. 15%.

**Câu 27. Câu nói bất hủ “Ngày trước ta chỉ có đêm và rừng, ngày nay ta có ngày, có trời, có biển, bờ biển ta dài, tươi đẹp, ta phải giữ gìn lấy nó” được Chủ tịch Hồ Chí Minh nói trong dịp đến thăm Bộ đội Hải quân lần thứ hai vào tháng, năm nào? Ở đâu?**

**a. Tháng 3/1961, tại Vịnh Hạ Long**

b. Tháng 4/1961, tại Vũng Tàu

c. Tháng 5/1961, tại Nha Trang

d. Tháng 6/1961, tại Phú Quốc

**Câu 28. Bạn hãy cho biết bãi biển dài nhất ở nước ta là bãi biển nào?**

**a. Trà Cổ (Quảng Ninh)** c. Cửa Lò (Nghệ An)

b. Sầm Sơn (Thanh Hóa e. Đồ Sơn (Hải Phòng)

**Câu 29. Nhiệm vụ “Phát triển mạnh kinh tế biển nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển, đảo”, được nêu ra tại văn bản nào?**

a. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng

**b. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng**

c. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ XVIII

d. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII.

**Câu 30. Bạn hãy cho biết tuyên bố của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam được chuẩn y ngày tháng năm nào?**

a. Ngày 12 tháng 4 năm 1977 c. Ngày 12 tháng 6 năm 1977

**b. Ngày 12 tháng 5 năm 1977** d. Ngày 12 tháng 7 năm 1977

**Câu 31.  Bạn hãy cho biết Luật biên giới quốc gia được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam phê chuẩn vào khóa họp thứ mấy? Kỳ họp thứ mấy và ngày tháng năm nào của Quốc hội?**

**a. Khoá XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003.**

b. Khoá XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2005.

c. Khoá XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2007.

d. Khoá XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2009.

**Câu 32. Bạn hãy cho biết “Tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam 2010” diễn ra ở đâu? Thời gian nào?**

a. Ngày 1 đến 8 – 4 - 2010 tại Quảng Bình.

 b. Ngày 1 đến 8 – 5 – 2010 tại Quảng Bình.

**c. Ngày 1 đến 8 – 6 – 2010 tại Quảng Bình.**

 d. Ngày 1 đến 8 – 7 - 2010 tại Quảng Bình.

**Câu 33. Các quyền tự do trên biển cả được quy định tại Điều 87 Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 là gì?**

**Đáp án:**tại Điều 87 Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 thì quyền tự do trên biển cả được thực hiện trong những điều kiện do các quy định của Công ước và những quy tắc khác của pháp luật quốc tế trù định. Trên biển cả, các quốc gia, dù có biển hay không có biển, đều có quyền:

 - Tự do hàng hải;

 - Tự do hàng không;

- Tự do đặt các dây cáp và ống dẫn ngầm với điều kiện tuân thủ các quy định của Công ước;

- Tự do xây dựng các đảo nhân tạo và các thiết bị khác được pháp luật quốc tế cho phép với điều kiện tuân thủ các quy định của Công ước;

- Tự do đánh bắt hải sản với điều kiện tuân thủ các quy định của Công ước về bảo tồn và quản lý các tài nguyên sinh vật của biển cả;

 - Tự do nghiên cứu khoa học với điều kiện tuân thủ các phần về thềm lục địa và nghiên cứu khoa học biển của Công ước;

 Mỗi quốc gia khi thực hiện các quyền tự do này phải tính đến lợi ích của việc thực hiện quyền tự do trên biển cả của các quốc gia khác cũng như đến các quyền được Công ước thừa nhận liên quan đến hoạt động trong Vùng.

**Câu 34. Bạn hãy cho biết “Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam” hằng năm được tổ chức vào thời gian nào?**

a. Tháng 2 c. Tháng 5

b. Tháng 4 **d. Tháng 6**

**Câu 35. Bạn hãy cho biết huyện Côn đảo có bảo nhiêu hòn đảo lớn nhỏ?**

a. 7 hòn đảo lớn nhỏ c. 13 hòn đảo lớn nhỏ

b. 10 hòn đảo lớn nhỏ **d. 14 hòn đảo lớn nhỏ**

**Câu 36.  Huyền thoại đường Hồ Chí Minh trên biển được quân đội ta thiết lập từ năm nào đến năm nào?**

**Đáp án:** Từ năm 1961 – 1975

**Câu 37. Việt Nam tham gia bao nhiêu công ước quốc tế về môi trường biển?**

a. 6. b. 7 **c. 8.** d. 9.

Giải thích:

 1- Công ước quốc tế về an toàn tính mạng trên biển, SOLAS 1974

2- Công ước 1982 của Liên hợp quốc về luật biển

3- Công ước về các quy tắc quốc tế phòng tránh đâm va trên biển COLREG 1972

4- Công ước về tiêu chuẩn cấp chứng chỉ cho thuyền viên 1978/1995 (STCW)

5- Công ước về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu thuyền, MARPOL 1973 và Nghị định thư năm 1978

6- Công ước về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới các chất độc hại và việc loại bỏ chúng, BASEL 1989

7- Công ước về đa dạng sinh học 1992

8- Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế, đặc biệt như là nơi cư trú của các loài chim nước (RAMSAR) – 1971-1982

**Câu 38. Bạn hãy cho biết Quần đảo Trường Sa được chia làm mấy cụm?**

a. 8 cụm b. 9 cụm **c. 10 cụm** d. 11 cụm

**Câu 39. Vịnh Lăng Cô thuộc quản lý của tỉnh nào?**

a. Quảng Trị c. Quảng Nam

**b. Thừa Thiên – Huế** d. Quảng Ngãi

**Câu 40. Huyện đảo nào của nước ta có mật độ dân số cao nhất?**

**a. Lý Sơn** c. Cát Hải

b. Cồn Cỏ d. Vân Đồn

**Câu 41. Bức mật lệnh có nội dung “Nghiên cứu và chỉ đạo thực hiện gấp rút, nhằm thời cơ thuận lợi nhanh nhất, đánh chiếm các đảo do quân ngụy miền Nam chiếm đóng thuộc quần đảo Trường Sa” của Tướng nào?**

**Đáp án:** Đại tướng Võ Nguyên Giáp

**Câu 42. Bạn hãy cho biết thành phố Vũng Tàu có chiều dài bờ biển là bao nhiêu?**

a. 15 km **b. 20 km**  c. 25 km d. 30 km

**Câu 43. Quốc gia đầu tiên xác lập chủ quyền và là nước duy nhất quản lý liên tục, hòa bình, phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là quốc gia nào?**

a. Trung Quốc b. Philippine

**c. Việt Nam** d. Thái Lan

**Câu 44. Quần đảo nào của Việt Nam có nhiều đảo nhất?**

**a. Cát Bà** c. Hà Tiên

b. Cô Tô d. Bà Lụa

**Câu 45. Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam lần đầu công bố Sách trắng: chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào ngày, tháng, năm nào?**

**Đáp án:**Ngày 28/9/1979, Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam công bố Sách trắng: chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, trong đó đã giới thiệu 19 tài liệu liên quan đến chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

**Câu 46. Bờ biển Việt Nam có chiều dài bao nhiêu?**

a. Dưới 3.200 km c. Dưới 4.260 km

**b. Trên 3.260 km** d. Trên 4.500 km

**Câu 47. Nước ta có bao nhiêu tỉnh (thành phố trung ương) có biển?**

**a. 28 tỉnh (thành phố)** c. 30 tỉnh (thành phố)

b. 29 tỉnh (thành phố)  d. 31 tỉnh (thành phố)

**Câu 48. Bạn hãy cho biết đảo gần xích đạo nhất là đảo nào?**

a. Hòn Sao

b. Hòn Đồi Mồi

c. Hòn Đá Lẻ

**d. Hòn Khoai (thuộc xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau)**

**Câu 49. Bạn hãy cho biết quanh Biển Đông có bao nhiêu quốc gia tiếp giáp?**

a. 7 **b. 9** c. 11 d. 13

**Câu 50. Bạn hãy cho biết Nội thủy là gì?**

**Đáp án:**

a. Là vùng nước phía trong của đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải, bao gồm các vùng nước cảng biển, các vũng tàu, cửa sông, cửa vịnh, các vùng nước.

b. Tại đó quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn tối cao và đầy đủ như trên lãnh thổ đất liền.

c. Người và tàu thuyền nước ngoài muốn vào phải xin phép và phải được sự đồng ý của Việt Nam.

**d. Là vùng nước phía trong của đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải, bao gồm các vùng nước cảng biển, các vũng tàu, cửa sông, cửa vịnh, các vùng nước. Tại đó quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn tối cao và đầy đủ như trên lãnh thổ đất liền. Người và tàu thuyền nước ngoài muốn vào phải xin phép và phải được sự đồng ý của Việt Nam.**

**Câu 51.  Khái niệm chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán được hiểu như thế nào trong Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982?**

**Đáp án:**

- Chủ quyền là quyền làm cho tuyệt đối của quốc gia độc lập đối với lãnh thổ của mình. Chủ quyền của quốc gia ven biển là quyền tối cao của quốc gia được thực hiện trong phạm vi nội thủy và lãnh hải của quốc gia đó.

- Quyền chủ quyền là các quyền của quốc gia ven biển được hưởng trên cơ sở chủ quyền đối với mọi loại tài nguyên thiên nhiên trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của mình, cũng như đối với những hoạt động nhằm thăm dò và khai thác vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của quốc gia đó vì mục đích kinh tế, bao gồm cả việc sản xuất năng lượng từ nước, hải lưu, gió...

- Quyền tài phán là thẩm quyền riêng biệt của quốc gia ven biển trong việc đưa ra các quyết định, quy phạm và giám sát việc thực hiện chúng, như: cấp phép, giải quyết và xử lý đối với một số loại hình hoạt động, các đảo nhân tạo, thiết bị và công trình trên biển, trong đó có việc lắp đặt và sử dụng các đảo nhân tạo các thiết bị và công trình nghiên cứu khoa học về biển; bảo vệ và gìn giữ môi trường biển trong vùng đặc quyền kinh tế hay thềm lục địa của quốc gia đó.

Quyền chủ quyền có nguồn gốc từ chủ quyền lãnh thổ trong khi quyền tài phán là hệ quả của quyền chủ quyền, có tác dụng hỗ trợ tạo ra môi trường để thực hiện quyền chủ quyền được tốt hơn. Bên cạnh đó, trong khi chủ quyền và quyền chủ quyền chỉ được thực hiện trên vùng lãnh thổ mà quốc gia có quyền thì quyền tài phán có không gian mở rộng hơn, tới những nơi mà quốc gia đó không có chủ quyền (ví dụ quyền tài phán áp dụng trên tàu thuyền có treo cờ của một quốc gia nhất định đang hoạt động trong vùng biển thuộc chủ quyền của một quốc gia khác).

**Câu 52. Bạn hãy cho biết diện tích Biển Đông rộng khoảng bao nhiêu km2?**

**a. Khoảng 3.447.000 km²** c. Khoảng 5.447.000 km²

b. Khoảng 4.447.000 km² d. Khoảng 6.447.000 km²

**Câu 53.**Hiệp định giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Trung Hoa về phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước trong vịnh Bắc Bộ ký ngày 25/12/2000 có hiệu lực từ ngày tháng năm nào?

**Đáp án:**Hiệp định này có hiệu lực kể từ ngày 15/6/2004.

**Câu 54.**Bạn hãy cho biết Lãnh hải của nước CHXHCNVN rộng bao nhiêu hải lý?

a. 8 hải lý **c. 12 hải lý**

b. 10 hải lý d. 14 hải lý

**Câu 55. Quần đảo Thổ Chu thuộc tỉnh nào?**

**a. Kiên Giang** c. Long An

b. Tiền Giang d. Hậu Giang

**Câu 56. Nội thuỷ của Việt Nam tại Luật Biển Việt Nam 2012 được quy định như thế nào?**

**Đáp án:** Theo Điều 9 và 10 của Luật Biển Việt Nam 2012, nội thủy của Việt Nam là vùng nước tiếp giáp với bờ biển ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam. Theo quy định thì nội thủy bao gồm cửa sông, vũng vịnh, cửa biển và vùng nước ở phía trong đường cơ sở và giáp với bờ biển. Nhà nước thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ đối với nội thủy như trên lãnh thổ đất liền.

**Câu 57. Bạn hãy cho biết năm 1933, Pháp đã sáp nhập Trường Sa vào tỉnh nào thời điểm đó ?**

**a. Bà Rịa** c. Gia Định

b. Kiên Giang d. Khánh Hòa

**Câu 58. Theo Luật Biển Việt Nam, khi tiến hành bắt, tạm giữ, tạm giam người có hành vi vi phạm pháp luật, hoặc tạm giữ tàu thuyền nước ngoài, lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo ngay cho Bộ nào?**

a.   Bộ Công an c. Tòa an nhân dân tối cáo

b.   Bộ Tư pháp **d. Bộ Ngoại giao**

**Câu 59. Bạn hãy cho biết vùng Biển quốc tế là gì ?**

**Đáp án:**

a. Là vùng biển nằm ngoài vùng biển thuộc quyền tài phán của các quốc gia ven biển, thuộc sở hữu của một quốc gia nào. Tất cả các quốc gia dù có biển hay không có biển đều có quyền tự do hàng hải, hàng không, đặt dây cáp, ống dẫn ngầm, xây dựng các đảo nhân tạo theo quy định của công ước quốc tế, tự do đánh bắt hải sản, nghiên cứu khoa học.

b. Là vùng biển nằm ngoài vùng biển thuộc quyền tài phán của các quốc gia ven biển, không thuộc sở hữu của một quốc gia nào. Tất cả các quốc gia dù có biển hay không có biển đều có quyền tự do hàng hải, khàng không, đặt dây cáp, ống dẫn ngầm, xây dựng các đảo nhân tạo theo quy định của công ước quốc tế, tự do đánh bắt hải sản, nghiên cứu khoa học.

c. Là vùng biển nằm ngoài vùng biển thuộc quyền tài phán của các quốc gia ven biển, thuộc sở hữu của các quốc gia có biển đều có quyền tự do hàng hải, khàng không, đặt dây cáp, ống dẫn ngầm, xây dựng các đảo nhân tạo theo quy định của công ước quốc tế, tự do đánh bắt hải sản, nghiên cứu khoa học.

d. Là vùng biển nằm ngoài vùng biển thuộc quyền tài phán của các quốc gia ven biển, không thuộc sở hữu của một quốc gia nào. Tất cả các quốc gia không có biển thì không có quyền tự do hàng hải, hàng không, đặt dây cáp, ống dẫn ngầm, xây dựng các đảo nhân tạo theo quy định của công ước quốc tế, tự do đánh bắt hải sản, nghiên cứu khoa học.

**Câu 60. Việt Nam có bao nhiêu huyện đảo?**

a. 20 b. 15 c. 30 d**. 12**

**Câu 61. Bạn hãy cho biết Luật Biển Việt Nam có hiệu lực từ ngày, tháng, năm nào?**

a. 01/12/2012 c. 01/5/2013

**b. 01/01/2013** d. 01/7/2013

**Câu 62. Đảo Côn Sơn của nước ta thuộc tỉnh nào?**

a. Bình Thuận **c. Bà Rịa – Vũng Tàu**

b. Ninh Thuận d. Khánh Hòa

**Câu 63. Biển Đông tiếp giáp với những nước nào?**

a. Malaysia, Indonesia, Philippines.

b. Brunei, Singapore, Thái Lan.

c. Campuchia, Việt Nam và lục địa Trung Quốc.

**d. Tất cả a, b,c đều đúng.**

**Câu 65. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam ký quyết định thành lập huyện Hoàng Sa vào ngày tháng năm nào?**

a. Ngày 09 tháng 12 năm 1982 **c. Ngày 11 tháng 12 năm 1982**

b. Ngày 10 tháng 12 năm 1982 d. Ngày 12 tháng 12 năm 1982

**Câu 66. Quần đảo Trường Sa gồm mấy nhóm đảo chính? Bạn hãy kể tên?**

**Đáp án:**Quần đảo Trường Sa được chia thành 8 nhóm: Song Tử, Thị Tứ, Loại Ta, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm, Bình Nguyên.

**Câu 67. Trên Biển Đông hiện nay đang tồn tại những loại tranh chấp gì?**

**Đáp án:**Hiện tại trên Biển Đông đang tồn tại hai loại tranh chấp chủ yếu:

- Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam.

- Tranh chấp trong việc xác định ranh giới các vùng biển và thềm lục địa chồng lấn giữa các nước có bờ biển liền kề hay đối diện nhau ở xung quanh Biển Đông.

**Câu 68. Bãi biển nào được mệnh danh là trữ tình nhất Việt Nam?**

a. Nha Trang – Khánh Hòa c. Sầm Sơn – Thanh Hóa

**b. Trà Cổ - Quảng Ninh** d. Cửa Lò – Nghệ An

**Câu 69. Khi nước biển dâng, nơi nào ở Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề nhất?**

**a. Đồng bằng sông Cửu Long**  c. Đồng bằng Duyên Hải miền Trung

b. Đồng bằng sông Hồng  d. Đồng bằng Bắc Bộ

**Câu 70. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào ngày tháng năm nào?**

**Đáp án:**Ngày 05/6/1975, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

**Câu 71. Vịnh nào ở Việt Nam có nhiều đảo nhỏ nhất?**

a. Vịnh Cam Ranh

**b. Vịnh Hạ Long (Bao gồm 1.169 hòn đảo lớn, nhỏ)**

c. Vịnh Vũng Rô

d. Vịnh Xuân Đài

**Câu 72. Tàu thuyền nước ngoài hoạt động trong nội thủy Việt Nam phải chấp hành những quy định gì?**

**Đáp án:**Tàu thuyền, máy bay nước ngoài khi hoạt động trong vùng nội thủy của Việt Nam là đang ở trong lãnh thổ Việt Nam, cho nên phải tuyệt đối chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến các hoạt động trong vùng nội thủy của Việt Nam như: việc cấp phép bay, lưu thông hàng hải, phân luồng lạch đi lại, quy định của các cảng biển... cũng như những quy định khác về an ninh, quốc phòng, trật tự công cộng, kiểm dịch, y tế, hải quan,...

**Câu 73. Đảo nào của nước ta vừa có diện tích lớn nhất, vừa có giá trị về du lịch, an ninh – quốc phòng? Đảo đó thuộc tỉnh nào?**

a. Đảo Côn Đảo – tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**b. Đảo Phú Quốc – tỉnh Kiên Giang**

c. Đảo Lý Sơn – tỉnh Quảng Ngãi

e. Đảo Cồn Cỏ - tỉnh Quảng Bình

**Câu 74. Bạn hãy cho biết Luật biển Việt Nam được Quốc hội nước ta phê chuẩn vào ngày, tháng, năm nào?**

**a. 21/6/2012** c. 21/8/2012

b. 21/7/2012 d. 21/9/2012

**Câu 75. Quần đảo có nhiều đảo lớn nhất ở nước ta là quần đảo nào?**

a. Cát Bi  c. Thổ Chu

b. Lý Sơn  **d. Cát Bà**

**Câu 76. Bạn hãy cho biết các loại tài nguyên khoáng sản trên Biển Đông thuộc Việt Nam?**

a. Titan, thiếc, Diricon, Dầu khí; Thủy sản;

b. Dầu khí, thiếc; titan, thiếc, diricon…Các bãi cát trắng

c. Thủy sản, diricon…Các bãi cát trắng

**d. Dầu khí; Thủy sản; quặng thiếc; titan, thiếc, diricon…Các bãi cát trắng**

**Câu 77.  Bạn hãy cho biết Việt Nam có bao nhiêu vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán?**

**a. 5** b. 7 c. 9 d. 11

**Câu 78. Bạn hãy cho biết phao số “0” có nghĩa là gì?**

**a. Là điểm đầu tiên của hệ thống phao luồng để cho tàu thuyền vào cảng được thuận lợi và an toàn**

b. Là biên giới quốc gia trên biển

c. Là chủ quyền trên biển

d. Là nhằm bảo vệ an ninh, bảo vệ các quyền lợi trên biển.

(Chú thích: Trong khi hoạt động trên biển, nhiều bà con thường thấy có phao số 0 và cho rằng đó là biên giới quốc gia trên biển. Sự thực phao số 0 không phải là điểm mốc của đường biên giới quốc gia trên biển. Nó chỉ là điểm đầu tiên của hệ thống mốc tiêu dẫn luồng vào cảng, được đặt theo quy định của Luật Hàng hải).

**Câu 79. Bạn hãy cho biết nửa đầu thế kỷ XVII, chúa Nguyễn tổ chức 2 đội quân nào ra Hoàng Sa và Trường Sa?**

a. “Hoàng Sa” – “Cát Vàng”  c. “Cảnh Dương” – “Bình Sơn”

b. “Cát Vàng” - “ Bắc Hải” **d. “Hoàng Sa” – “ Bắc Hải”**

**Câu 80. Ngày 12/7/2016 (theo giờ Việt Nam), tại La Hay (Hà Lan), Tòa Trọng tài được thành lập theo Phụ lục VII Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển 1982 đã ra phán quyết cuối cùng liên quan đến vụ kiện giữa Philippines và Trung Quốc về các vấn đề giải thích và áp dụng các quy định của Công ước Luật Biển trên biển Đông. Phán quyết này có ý nghĩa như thế nào ?**

**Đáp án:** Đây được xem là phán quyết mang tính lịch sử, trong đó lần đầu tiên một cơ quan tài phán quốc tế có tư cách pháp nhân bác bỏ quyền lịch sử của Trung Quốc trong phạm vi đường lưỡi bò. Theo phán quyết, yêu sách của Trung Quốc về "các quyền lịch sử" đối với các vùng biển nằm trong "đường 9 đoạn" là trái với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển 1982 (UNCLOS). Phán quyết khẳng định Trung Quốc đã gây ra những nguy hại lâu dài đối với hệ sinh thái dải san hô ở quần đảo Trường Sa. Trung Quốc không có căn cứ lịch sử nào về vùng biển ở Biển Đông và Bắc Kinh không có cơ sở pháp lý để đưa ra những tuyên bố về "các quyền lịch sử" đối với những nguồn tài nguyên trong cái mà Bắc Kinh gọi là "đường 9 đoạn".

**Câu 81.** **Trong biên chế của Hải quân nhân dân Việt Nam có một tàu bệnh viện hiện đại. Con tàu này mang tên gì?**

A. Khánh Hòa C. Bệnh viện Hải quân

B. Tôn Thất Tùng D. Lý Sơn

**Câu 82**. **Năm 2013, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng Đảo thanh niên giai đoạn 2013 - 2020 đã chính thức được triển khai. 05 đảo được lựa chọn xây dựng thành đảo Thanh niên là?**

A. (1) Đảo Trần, tỉnh Quảng Ninh; (2) Đảo Hòn Chuối, tỉnh Cà Mau; (3) Đảo Thổ Chu, tỉnh Kiên Giang; (4) Đảo Bạch Long Vỹ, thành phố Hải Phòng; (5) Đảo Cồn Cỏ, tỉnh Quảng Trị.

B. (1) Đảo Tràn, tỉnh Quảng Ngãi; (2) Đảo Hòn Khoai, tỉnh Cà Mau; (3) Đảo Thổ Chu, tỉnh Kiên Giang; (4) Đảo Bạch Long Vỹ, thành phố Hải Phòng; (5) Đảo Cồn Cỏ, tỉnh Quảng Trị.

C. (1) Đảo Cù lao chàm, tỉnh Quảng Nam; (2) Đảo Hòn Chuối, tỉnh Cà Mau; (3) Đảo Thổ Chu, tỉnh Kiên Giang; (4) Đảo Bạch Long Vỹ, thành phố Hải Phòng; (5) Đảo Cồn Cỏ, tỉnh Quảng Trị.

D. (1) Đảo Trần, tỉnh Quảng Ninh; (2) Đảo Hòn Chuối, tỉnh Cà Mau; (3) Đảo Thổ Chu, tỉnh Kiên Giang; (4) Đảo Bạch Long Vỹ, thành phố Hải Phòng; (5) Đảo Cù lao Xanh, tỉnh Bình Định.

**Câu 83.** **Nhà giàn DK1, được xây dựng dưới dạng các nhà giàn, trên thềm lục địa phía Nam của Việt Nam, là tên gọi của:**

A. Cụm dịch vụ kinh tế-khoa học-hậu cần

B. Cụm dịch vụ kinh tế-khoa học-kỹ thuật

C. Cụm dịch vụ kinh tế-khoa học-công nghệ

D. Cụm dịch vụ kinh tế-du lịch-kỹ thuật

**Câu 84.** **Nhà giàn đầu tiên được xây dựng tại thềm lục địa phía Nam tên gì?**

A. Nhà giàn Tư Chính C. Nhà giàn Phúc Tần

B. Nhà giàn Phúc Nguyên D. Nhà giàn Ba Kè

**Câu 85.** **Máy bay trực thăng có thể hạ cánh trên nhà giàn DK1 không?**

A. Chỉ có 01 nhà giàn có diện tích lớn nhất mới có thể đón máy bay trực thăng.

B. Máy bay trực thăng không thể hạ cánh trên nhà giàn DK1

C. Máy bay trực thăng có thể hạ cánh trên tất cả các nhà giàn DK1

D. Máy bay trực thăng có thể hạ cánh trên một số nhà giàn DK1

**Câu 86.** **Trong số các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Long An, Cà Mau và Kiên Giang, An Giang, những tỉnh nào không giáp biển?**

A. Vĩnh Long, Long An, An Giang

B. Cà Mau, Kiên Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu

C. Sóc Trăng, Bạc Liêu, Ninh Thuận

D. Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh.

**Câu 87. Việt Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố có biển?**

A. 27 B 28 C. 37 D 38

**Câu 88.** **Trong số các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Long An, Cà Mau và Kiên Giang, An Giang, những tỉnh nào không giáp biển?**

A. Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh.

B. Cà Mau, Kiên Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu

C. Sóc Trăng, Bạc Liêu, Ninh Thuận

D. Vĩnh Long, Long An, An Giang

**Câu 89.** **Đảo Mắt thuộc tỉnh nào của nước ta?**

A. Tỉnh Thừa thiên Huế C. Tỉnh Nghệ An

B. Tỉnh Thanh Hóa D. Tỉnh Hà Tĩnh

**Câu 90.** **Bờ biển Việt Nam bắt đầu và kết thúc tại...?**

A. Bắt đầu từ Lũng Cú (Hà Giang) đến Hà Tiên (Kiên Giang).

B. Bắt đầu Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang).

C. Bắt đầu Móng Cái (Quảng Ninh) đến Năm Căn (Cà Mau).

D. Bắt đầu Cái Bầu (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang).

**Câu 91.** **Việt Nam có bao nhiêu huyện đảo?**

A. 12 B. 10 C. 17 D. 36

**Câu 92.** **Là Vịnh nổi tiếng của Việt Nam. Nằm cách thành phố Nha Trang 80km về phía bắc. Vịnh có địa hình rất phong phú, đặc biệt là hệ thống đảo, bán đảo, vịnh sâu kín gió, bờ và bãi biển, cồn cát hấp dẫn và là khu vực có hệ sinh thái đa dạng như rừng nhiệt đới, rừng ngập mặn, động thực vật ven biển… Đó là vịnh nào?**

A. Vịnh Vân Phong C. Vịnh Cam Ranh

B. Vịnh Ninh Vân D. Vịnh Hạ Long

**Câu 93.** “**Là Vịnh nổi tiếng của Việt Nam. Nằm cách thành phố Nha Trang 60km về phía nam, quanh năm nắng ấm chan hòa, bầu trời trong xanh tạo cho mặt vịnh một màu xanh rất dễ chịu. Thiên nhiên ở vịnh đẹp gần như còn nguyên sơ: những bãi cát trắng vàng, trải dài mịn màng như chưa bao giờ có dấu chân người, đẹp nhất là những quần thể ghềnh đá granit do sự xâm thực của gió, của nước biển đã tạo nên những hình thù chồng chất”. Đó là vịnh nào?**

A. Vịnh Hạ Long C. Vịnh Vân Phong

B. Vịnh Ninh Vân D. Vịnh Cam Ranh

**Câu 94**. **Cảng Cái Mép – Thị Vải thuộc tỉnh nào?**

A. Ninh Thuận C. Bình Thuận

B. Bà Rịa - Vũng Tàu D. Phú Quốc

**Câu 95**. “**Hòn Con Cóc” là một trong những tác phẩm tuyệt mỹ của tạo hóa ban tặng cho Vịnh nào của nước ta?**

A. Vịnh Vân Phong C. Vịnh Cam Ranh

B. Vịnh Ninh Vân D. Vịnh Hạ Long

**Câu 96.** **Năm 1994 UNESCO công nhận Vịnh biển nào của Việt Nam là di sản thiên nhiên thế giới?**

A. Vịnh Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh

B. Vịnh Cam Ranh thuộc tỉnh Khánh Hòa

C. Vịnh Ninh Phong thuộc tỉnh Bình Thuận

D. Vịnh Vân Đồn thuộc tỉnh Quảng Bình

**Câu 97.** **Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975, đảo nào được chọn để giải phóng đầu tiên?**

A. Nam Yết C. Song Tử Tây

B. Trường Sa lớn D. Sơn Ca

**Câu 98.** **Luật biển Việt Nam bao gồm bao nhiêu chương, Điều?**

A.Gồm 8 chương, 50 Điều

B. Gồm 5 chương, 55 Điều

C. Gồm 6 chương, 50 Điều

D. Gồm 7 chương, 55 Điều

**Câu 99**. **Các tỉnh ven biển đồng bằng sông Cửu Long có tiềm năng lớn để phát triển ngành năng lượng gì?**

a. Điện gió c. Nhiệt điện

b. Điện mặt trời d. Thủy điện

**Câu 100.** **Nhà máy điện gió có công suất lớn nhất Việt Nam hiện nay đặt ở tỉnh nào?**

A. Sóc Trăng C. Bạc Liêu

B. Trà Vinh D. Bình Thuận

**Câu 101.** **Hải quân nhân dân Việt Nam hiện nay có các lực lượng nào?**

A. Tàu mặt nước, Hải quân đánh bộ, Tên lửa bờ, Không quân Hải quân, Tàu ngầm.

B. Tàu mặt nước, Hải quân đánh bộ, Tên lửa bờ, Tàu ngầm.

C. Tàu mặt nước, Đặc Công Hải Quân, Tên lửa bờ, Không quân Hải quân, Tàu ngầm.

D. Tàu mặt nước, Đặc Công Hải Quân, Tên lửa bờ, Không quân Hải quân, Tàu ngầm, Tàu sân bay.

**Câu 102. Là chương trình mang thương hiệu của Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam. Các đồng chí hãy cho biết, tính đến nay (năm 2020) Chương trình Xuân Trường Sa đã được tổ chức bao nhiêu lần?**

A. 5 lần B. 6 lần C. 7 lần D. 9 lần

**Câu 103. Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết của Đảng ta “Về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Vậy, Nghị quyết số 36 được ban hành tại Hội nghị lần thứ mấy của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII)?**

a. Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII). Năm 2018.

b. Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII). Năm 2018.

c. Hội nghị lần thứ 9, Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII). Năm 2018.

d. Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII). Năm 2018

**Câu 104. Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam được tổ chức nhằm hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới (ngày 05/6) và Ngày Đại dương thế giới (ngày 08/ 6). Hãy cho biết, “Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam” diễn ra vào thời gian nào trong năm?.**

a. Từ ngày 01 đến ngày 08 tháng 6 hằng năm.

b. Từ ngày 02 đến ngày 09 tháng 6 hằng năm.

c. Từ ngày 03 đến ngày 10 tháng 6 hằng năm.

d. Từ ngày 05 đến ngày 10 tháng 6 hằng năm

**Câu 105. Hãy cho biết, Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 được các quốc gia ký kết ở đâu?.**

a. Tại Gia- mai-ca. c. Tại Ấn Độ.

b. Tại In-đô-nê-si-a. d. Tại Lào

**Câu 106. Hãy cho biết, Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC) giữa ASEAN và Trung Quốc được ký vào năm nào? Ở đâu?.**

a. Năm 2002, tại thủ đô Phnôm Pênh (Căm-pu-chia)

b. Năm 2003, tại thủ đô Gia-các-ta (In-đô-nê-si-a)

c. Năm 2004, tại thủ đô Bắc Kinh (Trung Quốc)

d. Năm 2005, tại thủ đô Hà Nội(Việt Nam)

**Câu 107. Luật Biển Việt Nam có bao nhiêu chương, bao nhiêu điều?**

**a. Gồm 7 chương, 55 điều** b. Gồm 7 chương, 50 điều

c. Gồm 8 chương, 55 điều d. Gồm 8 chương, 50 điều

**Giải thích:**Luật Biển Việt Nam bao gồm 7 chương, 55 điều. Chương I Quy định chung; chương II Vùng biển Việt Nam; chương III Hoạt động của người và phương tiện trong các vùng biển Việt Nam; chương IV Phát triển kinh tế biển; Chương V Tuần tra, kiểm soát trên biển; Chương VI Xử lý vi phạm; Chương VII Điều khoản thi hành.

**Câu 108.**Nhiệm vụ “Phát triển mạnh kinh tế biển nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển, đảo” được nêu ra tại văn bản nào?

a. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng

**b. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng**

c. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ XVIII

d. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII

**Câu 109. Bạn hãy cho biết tuyên bố của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam được chuẩn y ngày tháng năm nào?**

a. Ngày 12 tháng 4 năm 1977 **b. Ngày 12 tháng 5 năm 1977**

c. Ngày 12 tháng 6 năm 1977 d. Ngày 12 tháng 7 năm 1977

**Câu 110. Bạn hãy cho biết Luật Biên giới quốc gia được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam phê chuẩn tại kỳ họp thứ mấy, khóa nào và vào ngày tháng năm nào?**

**a. Tại Kỳ họp thứ 3 - Quốc hội khóa XI, ngày 17 tháng 6 năm 2003.**

b. Tại Kỳ họp thứ 3 - Quốc hội khóa XI,ngày 17 tháng 6 năm 2005.

c. Tại Kỳ họp thứ 3 - Quốc hội khóa XI,ngày 17 tháng 6 năm 2007.

d. Tại Kỳ họp thứ 3 - Quốc hội khóa XI,ngày 17 tháng 6 năm 2009.

**Câu 111. Huyền thoại đường Hồ Chí Minh trên biển được quân đội ta thiết lập từ năm nào đến năm nào?**

**Đáp án:** Từ năm 1961 – 1975

**Câu 112. Quần đảo Trường Sa gồm mấy nhóm đảo chính? Bạn hãy kể tên?**

**Đáp án:**Quần đảo Trường Sa được chia thành 8 nhóm: Song Tử, Thị Tứ, Loại Ta, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm, Bình Nguyên.

**Câu 113. Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố tiếp giáp với biển?**

a. 26 tỉnh, thành phố  **c. 28 tỉnh, thành phố**

b. 27 tỉnh, thành phốd. 29 tỉnh, thành phố

**Câu 114. Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng, diện tích khoảng 3,5 km2, được bao bọc bởi:**

a.9 nước và vũng lãnh thổ gồm Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, Indonesia, Bruney, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Campuchia và Đài Loan

**b. 9 nước gồm Việt Nam, Trung Quốc, Cam-pu-chia, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Sin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây và Phi-líp-pin.**

c. 9 nước gồm Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Sin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây và Phi-líp-pin.

d. Việt Nam, Ấn Độ, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Sin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây và Phi-líp-pin, Đông Timo

**Câu 115. Huyện đảo Trường Sa hiện có bao nhiêu xã, thị trấn?**

**a. 3 xã, thị trấn (thị trấn Trường Sa, xã Sinh Tồn và xã Song Tử Tây)**

b. 4 xã, thị trấn (thị trấn Trường Sa, xã Sinh Tồn, xã Nam Yết và xã Song Tử Tây)

c. 5 xã, thị trấn (thị trấn Trường Sa, xã Sinh Tồn, xã Nam Yết, xã Sơn Ca và xã Song Tử Tây)

d. 6 xã, thị trấn (thị trấn Trường Sa, xã Sinh Tồn, xã Nam Yết, xã Sơn Ca, xã Song Tử Tây và xã

Song Tử Đông

**Câu 116. Tỉnh Thừa Thiên Huế có bao nhiêu huyện, thị tiếp giáp với biển?**

a. 3 huyện, thị (Phú Lộc, Phú Vang, Quảng Điền)

b. 4 huyện, thị (Phú Lộc, Phú Vang, Phong Điền, Quảng Điền)

**c. 5 huyện thị (Phú Lộc, Phú Vang, Quảng Điền, Phong Điền, Hương Trà)**

d. 6 huyện thị (Phú Lộc, Phú Vang, Hương Thủy, Quảng Điền, Phong Điền, Hương Trà)

**Câu 117. Hệ đầm phá Tam Giang Cầu Hai thuộc địa phận các huyện, thị xã nào?**

a. Phong Điền, Quảng Điền, Hương Trà, Phú Vang, Phú Lộc.

**b. Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc**

c. Phú Vang, và Phú Lộc, Nam Đông, Quảng Điên

d. Phú Vang và Hương Thủy, Hương Thủy, A Lưới

**Câu 118. 1 hải lý (đơn vị đo chiều dài trên biển) bằng khoảng bao nhiêu km? 1 hải lí gần = 1852m**

**a. 1853 km** c. 1000 km

b. 1223 km     d. 2000 km

**Câu 119. Việt Nam là một quốc gia ven biển có bờ biển dài bao nhiêu?**

a. Dưới 3.200 km **c. Trên 3.260 km**

b. Dưới 4.260 km d. Trên 4.500 km

**Câu 120. Bạn hãy cho biết biển nước ta gồm mấy phần?**

a. 2 phần (Nội thủy ; Lãnh hải )

b. 3 phần (Nội thủy ; Lãnh hải ; Vùng tiếp giáp lãnh hải)

**c. 4 phần (Nội thủy ; Lãnh hải ; Vùng tiếp giáp lãnh hải ; Vùng đặc quyền kinh tế)**

d. 5 phần (Lục địa ; Nội thủy ; Lãnh hải ; Vùng tiếp giáp lãnh hải ; Vùng đặc quyền kinh tế)

**Câu 121. Nhằm hưởng ứng ngày Đại Dương  thế giới Thủ  tướng Chính phủ đã có quyết định công nhận Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam được vào ngày tháng năm nào?**

**a. 12/6/2009** b. 13/6/2009

c. 12/6/2013 d. 14/6/2013

**Câu 122. Ngày Đại dương thế giới là ngày nào?**

a. 1/6 b.3/6   c. 4/6 **d. 8/6**

**Câu 123. Lãnh Hải là:**

**a. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển.**

b. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường nội thủy ra phía biển.

c. Vùng biển có chiều rộng 13 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển.

d. Vùng biển có chiều rộng 14 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển.

**Câu 124. Tại Điều 8 của Luật Biển Việt Nam có quy định:**

a. Đường cơ sở dùng để tính chiều dài lãnh hải Việt Nam  là đường cơ sở phẳng đã được Chính  phủ công bố. Chính phủ xác định và công bố đường cơ sở ở những khu vực chưa có đường cơ sở  sau khi được Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

**b. Đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam  là đường cơ sở  thẳng đã được Chính  phủ công bố. Chính phủ xác định và công bố đường cơ sở ở những khu vực chưa có đường cơ sở sau khi được Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.**

**Câu 125. Bạn hãy cho biết Nội thủy là gì?**

a. Là vùng nước phía trong của đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải, bao gồm các vùng nước cảng biển, các vũng tàu, cửa sông, cửa vịnh, các vùng nước.

b. Tại đó quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn tối cao và đầy đủ như trên lãnh thổ đất liền.

c. Người và tàu thuyền nước ngoài muốn vào phải xin phép và phải được sự đồng ý của Việt Nam.

**d. Là vùng nước phía trong của đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải, bao gồm các vùng nước cảng biển, các vũng tàu, cửa sông, cửa vịnh, các vùng nước. Tại đó quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn tối cao và đầy đủ như trên lãnh thổ đất liền. Người và tàu thuyền nước ngoài muốn vào phải xin phép và phải được sự đồng ý của Việt Nam.**

**Câu 126. UNCLOS là cụm từ viết tắt Tiếng Anh của?**

a. Bộ quy tắt ứng xử biển Đông

**b. Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982**

c. Tên Quốc tế của Luật biển Việt Nam

d. Tất cả điều sai

**Câu 127. Theo Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển Quốc gia ven biển có quyền xác định vùng thềm lục địa tối thiểu và tối đa bao nhiêu hải lý?**

a. Tối thiểu 200 hải lý, tổi đa 400 hải lý

**b. Tối thiểu 200 hải lý, tối đa là 350 hải lý**

c. Tối thiểu 220 hải lý, tối đa là 400 hải lý

d. Tối thiểu 250b hải lý, tối đa là 430 hải lý

**Câu 128. Có một hòn đảo ở quần đảo Trường Sa mang  tên người anh hùng của  lực  lượng Hải quân Việt  Nam với những chiến công lẫy lừng trên đoàn tàu không số huyền thoại. Anh đã hy sinh trong một lần  chuyển vũ khí, đạn dược chi viện cho Khánh Hòa trong cuộc tiến công chiến lược Tết Mậu Thân năm 1968. Hòn đảo đó mang tên là gì?**

**a. Phan Vinh** c. A và B đúng

b. Nguyễn Phan Vinh d. A và B sai

**Câu 129.** **Hệ đầm phá nào ở nước ta được đánh giá về quy mô là một trong những hệ đầm phá lớn nhất Đông Nam Á?**

A. Đầm Ô Loan (Phú Yên)

B. Hệ đầm phá Tam giang– Cầu hai ( Thừa Thiên Huế)

C. Đầm Nha Phu (Khánh Hòa)

D. Đầm Vân Long (Ninh Bình)

**Câu 130. Theo Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015, hoạt động nào bị nghiêm cấm trong hành lang bảo vệ bờ biển?**

A. Khai hoang, lấn biển

B. Khai thác nước dưới đất.

**C. Xây dựng mới nghĩa trang, bãi chôn lấp chất thải.** (căn cứ Điều 24 **Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015)**

D. Cải tạo công trình đã xây dựng.

**Câu hỏi 131. Do bị lâm nạn ở vùng biển thuộc tỉnh X của Việt Nam, tàu chở dầu N đã làm tràn dầu trên vùng biển của tỉnh X và một số địa phương lân cận. Theo quy định của pháp luật hiện hành, chủ tàu chở dầu N không phải thực hiện biện pháp khẩn cấp nào sau đây?**

A. Huy động nhân lực, vật lực, phương tiện để ứng phó sự cố.

B. Kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương, cấp có thẩm quyền về sự cố xảy ra.

**C. Thông báo cho gia đình của các thủy thủ có mặt trên tàu.(**căn cứ Khoản 7 Điều 56 **Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015)**

D. Bảo đảm an toàn cho người và tải sản; tổ chức cứu người, tài sản.

**Câu 132. Tàu ngầm nước ngoài khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam phải tuân theo quy định nào?**

A. Được phép đi ngầm nhưng phải báo cáo với chính quyền Việt Nam đường đi (hành trình), thời điểm qua lãnh hải Việt Nam.

B. Được phép đi ngầm nhưng phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập

**C. Phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập; phải đi nổi và treo cờ quốc tịch (căn cứ Điều 18 Luật Biên giới quốc gia và Điều 29** [**Luật Biển Việt Nam**](https://trangtinphapluat.com/blog/bai-viet-hay/do-vui-phap-luat/thi-truc-tuyen-tim-hieu-quy-dinh-cua-cong-uoc-luat-bien-nam-1982-va-luat-bien-viet-nam-nam-2012/)**)**

D. Phải đi nổi và báo cáo với chính quyền Việt Nam đường đi (hành trình), thời điểm qua lãnh hải Việt Nam.

**Câu 133. Biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là gì?**

A. Là đường để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

B. Là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

C. Là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (căn cứ Điều 1 Luật Biên giới quốc gia)

D. Là đường để xác định giới hạn lãnh thổ trong đất liền và trên biển của Việt Nam.

**CÂU HỎI HIỂU BIẾT**

**Câu 1:** Bộ tem “Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa” của Việt Nam do họa sĩ nào thiết kế và được phát hành vào năm nào?

**Câu 2:**Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển?

**Câu 3:** Anh, chị hãy nêu 12 huyện đảo của Việt Nam hiện nay.

**Câu 4:** Anh, chị hãy cho biết Huyện đảo Trường Sa có bao nhiêu đơn vị hành chính trực thuộc? nêu tên gọi của các đơn vị hành chính trực thuộc Huyện đảo Trường Sa?

**Câu 5:** Hãy nêu tên những quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp giáp với Biển Đông.

**Câu 6:** Quần đảo Hoàng Sa phân bố rải rác trong phạm vi tọa đồ địa lý bao nhiêu trên Biển Đông?

**Câu 7:** Vua Minh Mạng đã mấy lần Chỉ thị cho Bộ Công phái người ra Hoàng Sa để dựng bia chủ quyền, đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ... Đó là vào những năm nào?

**Câu 8:** Lãnh hải được xác định như thế nào?

**Câu 9:** Lực lượng Kiểm ngư Việt Nam có chức năng?

**Câu 10:** Nhiệm vụ của Lực lượng Hải quân Việt Nam là gì?

**Câu 11:** Cảnh sát biển Việt Nam có chức năng?

**Câu 12:** Mực tiêu tổng quát tại Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là gì?

**Câu 13**: Phương châm “3 không” của Việt Nam trong giải quyết tranh chấp trên biển Đông hiện nay là gì?

**Câu 14**: Thực hiện tốt “4 tránh” trong xử lý vấn đề Biển Đông hiện nay là gì?

**Câu 15:** Anh, chị hãy kể tên 28 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có biển theo hướng từ Bắc vào Nam:

**Câu 16:** Như thế nào là đường biên giới quốc gia trên biển của quốc gia ven biển?

**Câu 17:** Công ước Liên Hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) là văn bản có giá trị pháp lý như thế nào?

**Câu 18:** Chủ trương của Việt Nam khi giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông là gì?

**Câu 19:** Tên gọi của 06 con tàu ngầm của Hải quân nhân dân Việt Nam được đặt tên theo các tỉnh, thành phố nào?

**100 CÂU HỎI – ĐÁP VỀ BIỂN, ĐẢO**

**(Dành cho tuổi trẻ Việt Nam)**

**Câu 1. Vị trí, điều kiện tự nhiên của Biển Đông?**

Biển Đông là một biển nửa kín, có diện tích khoảng 3,5 triệu km2, trải rộng từ 30 vĩ Bắc đến 260 vĩ Bắc và từ 1000 kinh Đông đến 1210 kinh Đông; là một trong những biển lớn nhất trên thế giới với 90% chu vi được bao bọc bởi đất liền. Có 9 nước tiếp giáp với Biển Đông là Việt Nam, Trung Quốc, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xia, Bru-nây, Ma-lai-xia, Xin-ga-po, Thái Lan, Cam-pu-chia và một vùng lãnh thổ là Đài Loan. Theo ước tính sơ bộ, Biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của khoảng 300 triệu dân các nước này. Biển Đông không chỉ là địa bàn chiến lược quan trọng đối với các nước trong khu vực mà còn của cả Châu Á - Thái Bình Dương và Châu Mỹ.

Biển Đông còn là nơi chứa đựng nguồn tài nguyên thiên nhiên biển quan trọng cho đời sống và sự phát triển kinh tế của các nước xung quanh, đặc biệt là nguồn tài nguyên sinh vật, khoáng sản, du lịch, đồng thời đây cũng là khu vực đang chịu sức ép nhiều về bảo vệ môi trường sinh thái biển.

Biển Đông được coi là một trong năm bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất thế giới. Theo đánh giá của Bộ Năng lượng Mỹ, lượng dự trữ dầu đã được kiểm chứng ở Biển Đông là 07 tỉ thùng với khả năng sản xuất 2,5 triệu thùng/ngày. Theo đánh giá của Trung Quốc, trữ lượng dầu khí ở Biển Đông khoảng 213 tỷ thùng, trong đó trữ lượng dầu tại quần đảo Trường Sa có thể lên tới 105 tỷ thùng. Với trữ lượng này, sản lượng khai thác có thể đạt khoảng 18,5 triệu tấn/năm duy trì liên tục trong vòng 15 - 20 năm tới(l).

Ngoài ra, theo các chuyên gia, khu vực Biển Đông còn chứa đựng lượng lớn tài nguyên khí đốt đóng băng (băng cháy). Trữ lượng loại tài nguyên này trên thế giới ngang bằng với trữ lượng dầu khí và đang được coi là nguồn năng lượng thay thế dầu khí trong tương lai.

––––––––––––––––––

**Câu 2. Vai trò của Biển Đông đối với thế giới và Việt Nam?**

Biển Đông nằm trên tuyến đường giao thông biển huyết mạch nối liền Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, Châu Âu - Châu Á, Trung Đông -Châu Á. Đây được coi là tuyến đường vận tải quốc tế nhộn nhịp thứ hai của thế giới. Mỗi ngày có khoảng 150 - 200 tàu các loại qua lại Biển Đông. Nhiều nước và vùng lãnh thổ ở khu vực Đông Á có nền kinh tế phụ thuộc sống còn vào tuyến đường biển này như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Xin-ga-po và cả Trung Quốc. Hơn 90% lượng vận tải thương mại của thế giới thực hiện bằng đường biển và 45% trong số đó phải đi qua Biển Đông. Biển Đông có những eo biển quan trọng như eo biển Ma-lắc-ca, eo biển Đài Loan là những eo biển khá nhộn nhịp trên thế giới. Do đó, Biển Đông có vai trò hết sức quan trọng đối với tất cả các nước trong khu vực về địa - chiến lược, an ninh quốc phòng, giao thông hàng hải và kinh tế.

Xét về an ninh, quốc phòng, Biển Đông đóng vai trò quan trọng là tuyến phòng thủ hướng đông của đất nước. Các đảo và quần đảo trên Biển Đông, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, không chỉ có ý nghĩa trong việc kiểm soát các tuyến đường biển qua lại Biển Đông mà còn có ý nghĩa phòng thủ chiến lược quan trọng đối với Việt Nam.

Nước ta giáp với Biển Đông ở ba phía Đông, Nam và Tây Nam. Các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam là một phần Biển Đông trải dọc theo bờ biển dài khoảng 3.260 km, từ Quảng Ninh đến Kiên Giang, với nhiều bãi biển đẹp như Trà Cổ, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Cửa Lò, Cam Ranh, Vũng Tàu... Như vậy, cứ 100 km2 lãnh thổ đất liền có 1 km bờ biển, tỷ lệ này cao gấp 6 lần tỷ lệ trung bình của thế giới (600 km2đất liền có 1 km bờ biển). Không một nơi nào trên lục địa của Việt Nam lại cách xa bờ biển hơn 500 km.

Việt Nam có vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa rộng lớn theo Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982; có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm giữa Biển Đông và hàng nghìn đảo lớn, nhỏ, gần và xa bờ, hợp thành phòng tuyến bảo vệ, kiểm soát và làm chủ các vùng biển và thềm lục địa.

Biển Đông đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cả trong lịch sử, hiện tại và tương lai. Không chỉ cung cấp nguồn thức ăn cho cư dân ven bờ từ hàng nghìn năm nay, Biển Đông còn tạo điều kiện để phát triển các ngành kinh tế và là cửa ngõ để Việt Nam có quan hệ trực tiếp với các vùng miền của đất nước, giao thương với thị trường khu vực và quốc tế, là nơi trao đổi và hội nhập của nhiều nền văn hoá.

Về kinh tế, Biển Đông tạo điều kiện để Việt Nam phát triển những ngành kinh tế mũi nhọn như thủy sản, dầu khí, giao thông hàng hải, đóng tàu, du lịch...

Ngoài ra, ven biển Việt Nam còn chứa đựng tiềm năng to lớn về quặng sa khoáng như than, zircon, thiếc, vàng, đất hiếm... trong đó cát nặng, cát đen là nguồn tài nguyên quý giá của đất nước.

Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm ở trung tâm Biển Đông, rất thuận lợi cho việc đặt các trạm thông tin, xây dựng các trạm dừng chân và tiếp nhiên liệu cho tàu thuyền... phục vụ cho tuyến đường hàng hải trên Biển Đông.

––––––––––––––––––

**Câu 3. Đặc điểm địa lý cơ bản của các vùng biển Việt Nam?**

Việt Nam là một quốc gia biển lớn nằm ven bờ tây Biển Đông. Trong Biển Đông, liên quan tới Việt Nam có hai vịnh (gulf) lớn là vịnh Bắc Bộ ở phía Tây Bắc, rộng khoảng 130.000 km2 và Vịnh Thái Lan ở phía tây nam, diện tích khoảng 293.000 km2. Đây là biển duy nhất nối liền hai đại dương - Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Biển Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của chế độ gió mùa thịnh hành hướng Đông Bắc và Đông Nam. Vì thế, biển Việt Nam gánh chịu nhiều rủi ro thiên tai và sự cố môi trường biển trên Biển Đông, đặc biệt từ các loại dầu tràn và dầu thải không rõ nguồn gốc đưa vào vùng bờ biển nước ta.

Chế độ khí hậu vùng biển Việt Nam khác nhau ở ba miền khí hậu chủ yếu: (i) Miền khí hậu phía bắc từ đèo Hải Vân trở ra, có chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh, (ii) Miền khí hậu phía nam từ Đà Nẵng vào tới các tỉnh ven biển đồng bằng sông Cửu Long, có chế độ khí hậu gió mùa nhiệt đới cận xích đạo với 2 mùa mưa và khô rõ rệt, nhiệt độ luôn cao, (iii) Miền khí hậu Biển Đông có chế độ khí hậu mang tính chất gió mùa nhiệt đới biển. Vùng Biển Đông nói chung và biển Việt Nam nói riêng là khu vực chịu nhiều thiên tai bão, tố, biến đổi khí hậu và có nguy cơ sóng thần. Trung bình hàng năm có khoảng 8 cơn bão đổ bộ vào vùng biển và nội địa Việt Nam và dự báo sóng thần có thể sẽ xuất phát từ các hẻm vực sâu ven bờ tây Phi-lip-pin (Palawan) và chỉ sau 02 giờ sẽ tiếp cận đến bờ biển Nha Trang.

Chế độ hải văn ven bờ cũng biến tính rõ. Chế độ dòng chảy bề mặt và sóng biến đổi theo mùa gió trong năm, cả về hướng chảy và cường độ. Các đặc trưng khí hậu - hải văn nói trên góp phần hình thành các vùng địa lý - sinh thái khác nhau, kéo theo thế mạnh tài nguyên sinh vật và tiềm năng phát triển khác nhau.

Khu vực biển nông thuộc thềm lục địa địa lý (đến độ sâu 200m) chiếm toàn bộ diện tích vịnh Bắc Bộ, vịnh Thái Lan, vùng biển trước châu thổ sông Cửu Long và thắt hẹp lại ở miền Trung nước ta.

Biển Việt Nam là một bộ phận quan trọng của Biển Đông, bao gồm vùng nội thuỷ, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa (theo quy định của Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982).

Hình thế phần đất liền của Việt Nam hẹp chiều ngang (không có nơi nào cách biển trên 500km) với đường bờ biển dài trên 3.260km (không kể bờ các đảo) chạy theo hướng kinh tuyến, kéo từ Móng Cái (Quảng Ninh) ở phía đông bắc xuống tới Hà Tiên (Kiên Giang) ở phía tây nam. Bờ biển Việt Nam khúc khuỷu, nhiều eo, vụng, vũng/ vịnh ven bờ và cứ 20 km chiều dài đường bờ biển lại bắt gặp một cửa sông lớn với tổng số khoảng 114 cửa sông đổ ra biển, chủ yếu từ phía lục địa Việt Nam. Đặc biệt, Việt Nam có hai đồng bằng châu thổ rộng lớn và phì nhiêu ven biển là đồng bằng châu thổ sông Hồng ở phía bắc và đồng bằng châu thổ sông Cửu Long ở phía nam. Lượng nước và phù sa lớn nhất đổ vào Biển Đông hàng năm chính là từ các hệ thống sông của hai đồng bằng này. Bên cạnh việc bổ sung nguồn dinh dưỡng cho biển Việt Nam và Biển Đông, các hệ thống sông này cũng đổ ra biển không ít chất gây ô nhiễm môi trường biển và vùng cửa sông ven biển nước ta.

––––––––––––––––––

**Câu 4. Việt Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố có biển? Hãy kể tên các tỉnh, thành phố?**

Về mặt hành chính, hiện nay ở nước ta có 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó có 28 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển, với 125 huyện ven biển và 12 huyện đảo. Đây là những đơn vị hành chính đóng vai trò quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh, chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Từ bắc vào nam, 28 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có biển là các tỉnh và thành phố: Quảng Ninh, Tp. Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Tp. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và Kiên Giang.

––––––––––––––––––

**Câu 5. Vài nét cơ bản về các khu vực biển, hải đảo của Việt Nam trên Biển Đông?**

Biển, hải đảo nước ta nằm trong Biển Đông bao gồm nhiều khu vực khác nhau, nhưng nổi bật và có những đặc điểm cần chú ý hơn là Vịnh Bắc Bộ, Vịnh Thái Lan, hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và một số đảo, quần đảo khác.

1. Vịnh Bắc Bộ

Vịnh Bắc Bộ nằm về phía tây bắc Biển Đông, được bao bọc bởi bờ biển và hải đảo của miền Bắc Việt Nam ở phía tây; bởi lục địa Trung Quốc ở phía bắc; bởi bán đảo Lôi Châu và đảo Hải Nam ở phía Đông. Vịnh Bắc Bộ trải rộng từ khoảng kinh tuyến 105036' Đông đến khoảng kinh tuyến 109055’ Đông, trải dài từ vĩ tuyến 21055' Bắc đến vĩ tuyến 17010' Bắc. Diện tích khoảng 126.250 km2, chiều ngang nơi rộng nhất khoảng 310 km và nơi hẹp nhất khoảng 220 km.

Vịnh Bắc Bộ là vịnh tương đối nông, độ sâu trung bình khoảng từ 40 - 50 m, nơi sâu nhất khoảng 100 m; đáy biển tương đối bằng phẳng, độ dốc nhỏ. Thềm lục địa thuộc phần kéo dài tự nhiên của lục địa Việt Nam ra biển khá rộng, độ dốc thoải và có một lòng máng sâu trên 70 m gần đảo Hải Nam của Trung Quốc. Bờ vịnh khúc khuỷu và ven bờ có nhiều đảo. Phần vịnh phía Việt Nam có hàng ngàn đảo lớn, nhỏ, trong đó đảo Bạch Long Vĩ diện tích 2,5 km2 cách đất liền Việt Nam 110 km, cách đảo Hải Nam của Trung Quốc 130 km. Vịnh Bắc Bộ có nhiều nguồn lợi hải sản (trữ lượng cá của Việt Nam khoảng 44 vạn tấn) và tiềm năng dầu khí.

Vịnh Bắc Bộ có hai cửa thông với bên ngoài: Cửa phía Nam ra trung tâm Biển Đông, nơi hẹp nhất rộng khoảng 240 km, cửa phía Đông qua eo biển Quỳnh Châu (nằm giữa bán đảo Lôi Châu và đảo Hải Nam) ra phía bắc Biển Đông, nơi hẹp nhất khoảng 18 km.

2. Vịnh Thái Lan

Vịnh Thái Lan nằm ở phía Tây Nam của Biển Đông, được bao bọc bởi bờ biển Việt Nam, Cam-pu-chia, Thái Lan, Ma-lai-xi-a.

Vịnh Thái Lan có diện tích khoảng 293.000 km2, chu vi khoảng 2.300 km, chiều dài vịnh khoảng 628 km. Đây là một vịnh nông, nơi sâu nhất chỉ khoảng 80 m. Đảo Phú Quốc là đảo lớn nhất của Việt Nam, diện tích 567 km2.

Vịnh Thái Lan có nhiều nguồn lợi hải sản (trữ lượng cá của Việt Nam khoảng 51 vạn tấn) và có tiềm năng dầu khí lớn mà hiện nay các nước liên quan đang tiến hành thăm dò, khai thác.

3. Các đảo và quần đảo

Vùng biển ven bờ Việt Nam có khoảng 2.773 hòn đảo lớn, nhỏ, chủ yếu nằm ở Vịnh Bắc Bộ, số còn lại phân bố ở khu vực biển Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nam. Ngoài ra, có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở giữa Biển Đông.

Căn cứ vị trí chiến lược và các điều kiện địa lý, kinh tế, dân cư người ta có thể chia các đảo, quần đảo thành các nhóm:

- Hệ thống đảo tiền tiêu, có vị trí quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên các đảo có thể lập những căn cứ kiểm soát vùng biển, vùng trời nước ta, kiểm tra hoạt động của tàu, thuyền, bảo đảm an ninh quốc phòng, xây dựng kinh tế, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Đó là các đảo, quần đảo: Hoàng Sa, Trường Sa, Chàng Tây, Thổ Chu, Phú Quốc, Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn, Cồn Cỏ, Bạch Long Vĩ...

- Các đảo lớn có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Đó là các đảo như: Cát Bà, Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo, Phú Quốc...

- Các đảo ven bờ gần đất liền, có điều kiện phát triển nghề cá, du lịch và cũng là căn cứ để bảo vệ trật tự, an ninh trên vùng biển và bờ biển nước ta. Đó là các đảo thuộc huyện đảo Cát Bà (Hải Phòng), huyện đảo Bạch Long Vĩ (Hải Phòng), huyện đảo Phú Quý (Bình Thuận), huyện đảo Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), huyện đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi), huyện đảo Phú Quốc (Kiên Giang) v.v.

––––––––––––––––––

**Câu 6. Những nét chính về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của quần đảo Hoàng Sa?**

Quần đảo Hoàng Sa là một quần đảo san hô, phân bố rải rác trong phạm vi từ khoảng kinh tuyến 1110 Đông đến 1130 Đông; từ vĩ tuyến 15045' Bắc đến 17015' Bắc, ngang với Huế và Đà Nẵng, phía ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ, ở khu vực phía Bắc Biển Đông.

Quần đảo Hoàng Sa gồm hơn 37 đảo, đá, bãi cạn, chia làm hai nhóm: nhóm phía Đông có tên là nhóm An Vĩnh, gồm khoảng 12 đảo, đá, bãi cạn; trong đó có hai đảo lớn là Phú Lâm và Linh Côn, mỗi đảo rộng khoảng 1,5 km2; nhóm phía Tây gồm nhiều đảo xếp thành hình vòng cung nên còn gọi là nhóm Lưỡi Liềm, trong đó có các đảo Hoàng Sa (diện tích gần 1 km2), Quang Ảnh, Hữu Nhật, Quang Hòa, Duy Mộng, Chim Yến, Tri Tôn...

Quần đảo Hoàng Sa là một thế giới san hô với hơn 100 loài đã tạo thành một phần của vòng cung san hô ngầm dọc bờ biển Đông Nam của lục địa châu Á.

Hình thái địa hình các đảo trong quần đảo Hoàng Sa tương đối đơn giản nhưng mang đậm bản sắc của địa hình ám tiêu san hô vùng nhiệt đới. Đa số các đảo có độ cao dưới 10m, và có diện tích nhỏ hẹp dưới 1 km2. Tổng diện tích phần nổi của tất cả các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa khoảng 10 km2. Ngoài các đảo, còn có các cồn san hô, vành đai san hô bao bọc một vùng nước tạo thành một đầm nước giữa biển khơi, có cồn dài tới 30 km, rộng 10 km như cồn Cát Vàng.

Trên đảo Hoàng Sa còn có một trạm khí tượng được chính quyền bảo hộ Pháp xây dựng và hoạt động từ năm 1938, đến năm 1947 được Tổ chức Khí tượng thế giới (WVO) công nhận và đặt số hiệu 48860 trong mạng lưới khí tượng quốc tế. Nhiệt độ không khí ờ vùng biển quần đảo Hoàng Sa có giá trị thấp nhất 220 – 240C trong tháng 1, tăng dần đạt cực đại 28,50 – 290C trong tháng 6, 7 và giảm từ từ tới 250C vào tháng 12. Chế độ gió mùa vùng quần đảo Hoàng Sa phức tạp và thể hiện ảnh hưởng của địa hình lục địa Việt Nam và Trung Quốc. Lượng mưa trung bình hàng năm là 1.200 - 1.600 mm, thấp hơn nhiều so với lượng mưa ở quần đảo Trường Sa và các vùng khác trên đất liền. Mưa chủ yếu tập trung vào mùa hè (từ tháng 5 đến tháng 10 lượng mưa trung bình hàng tháng 100 - 200 mm, đạt 200 - 400 mm trong tháng 10. Lượng mưa trung bình trong mùa đông (từ tháng 11  đến tháng 4) 200  - 300 mm với lượng mưa hàng tháng 20 - 25 mm (tháng 1, 2, 3) và đạt đến 50 mm trong tháng 12 và tháng 4. Độ ẩm tương đối trung bình ở Hoàng Sa là 80 - 85% và hầu như không bị biến động nhiều theo mùa.

Thảm thực vật của quần đảo Hoàng Sa rất đa dạng. Có đảo cây cối um tùm nhưng có đảo chỉ có các cây nhỏ và cỏ dại. Thực vật phần lớn thuộc các loài có nguồn gốc ở miền duyên hải Việt Nam.

Hải sản ở quần đảo Hoàng Sa có nhiều loài quý như: tôm hùm, hải sâm, đồi mồi, vích, ốc tai voi,... và loại rau câu quý hiếm, rất có giá trị trên thị trường quốc tế.

––––––––––––––––––

**Câu 7. Quần đảo Hoàng Sa bao gồm những nhóm đảo chính nào?**

Quần đảo Hoàng Sa gồm hai cụm đảo chính là nhóm Lưỡi Liềm ở phía tây và nhóm An Vĩnh ở phía đông.

1. Nhóm Lưỡi Liềm: Nhóm đảo này có hình cánh cung hay lưỡi liềm, nằm về phía tây quần đảo, gần đất liền Việt Nam, gồm 08 đảo chính là Đá Bắc, Hoàng Sa, Hữu Nhật, Duy Mộng, Quang Ảnh, Quang Hòa, Bạch Quy, Tri Tôn và các bãi ngầm, mỏm đá.

- Đảo Đá Bắc có tọa độ địa lý 17006 vĩ độ Bắc và 111030,8 kinh độ Đông.

- Đảo Hoàng Sa nằm ở tọa độ 16032 vĩ độ Bắc và 111036,7 kinh độ Đông, có hình bầu dục, độ cao khoảng 9m, diện tích khoảng 0,5 km2, dài khoảng 950m, rộng khoảng 650m, có vòng san hô bao quanh. Tuy không phải là đảo lớn nhất nhưng Hoàng Sa là đảo chính của quần đảo, có vị trí quân sự quan trọng nhất cho việc phòng thủ bờ biển Việt Nam. Trên đảo Hoàng Sa từng có bia chủ quyền của Việt Nam với dòng chữ khắc trên bia: République Française - Royaune d’An Nam - Archipel des Paracels - 1816 - Ile des pattle 1938 (Cộng hòa Pháp -Vương triều An Nam - Quần đảo Hoàng Sa 1816 - đảo Hoàng Sa 1938). Ngoài ra, trên đảo còn có Miếu Bà, một số ngôi mộ của binh lính ra canh đảo bị chết tại đây.

- Đảo Hữu Nhật nằm về phía nam và cách đảo Hoàng Sa 3 hải lý, ở tọa độ 16030,3 vĩ độ Bắc và 111035,3 kinh độ Đông, dáng đảo hình tròn, đường kính 800m, độ cao 8m, diện tích 0,6 km2, có vòng đai san hô bao ngoài, giữa là vùng biển lặng.

- Đảo Duy Mộng nằm về phía đông nam đảo Hữu Nhật và phía đông bắc đảo Quang Hòa ở tọa độ 16027,6 vĩ độ Bắc và 111044,4 kinh độ Đông, do san hô cấu tạo thành, bãi san hô nằm xa đảo nhô lên khỏi mặt nước khoảng 4 m, có hình bầu dục, diện tích 0,5 km2.

- Đảo Quang Hòa nằm ở tọa độ 16026,9 vĩ độ Bắc và 111042,7 kinh độ Đông, do san hô cấu tạo thành, là đảo lớn nhất trong nhóm đảo Lưỡi Liềm, diện tích gần 0,5 km2, trên đảo có nhiều cây cối, xung quanh đảo là một bãi san hô màu vàng nhạt nhô ra rất xa đảo, nối với một số đảo nhỏ khác thành đảo Quang Hòa Đông và Quang Hòa Tây.

- Đảo Quang Ảnh nằm ở tọa độ 16027 vĩ độ Bắc và 111030,8 kinh độ Đông do san hô cấu tạo thành, độ cao 6 m. Chung quanh đảo là bờ biển có nhiều đá ngầm sắc nhọn rất nguy hiểm, tàu lớn không thể thả neo gần đảo mà phải neo ở ngoài khơi, muốn vào phải sử dụng thuyền nhỏ. Đảo có hình bầu dục, diện tích khoảng 0,7 km2.

- Đảo Bạch Quy nằm ở tọa độ 16003,5 vĩ độ Bắc và 111046,9 kinh độ Đông, với độ cao 15m thì đây là đảo có độ cao lớn nhất trên quần đảo Hoàng Sa.

- Đảo Tri Tôn nằm ở tọa độ 15047,2 vĩ độ Bắc và 111011,8 kinh độ Đông, nằm ở gần bờ biển Việt Nam nhất, có nhiều hải sâm, ba ba. San hô ở đây phát triển mạnh và đa dạng.

Ngoài ra, nhóm Lưỡi Liềm còn có một số đảo nhỏ, mỏm đá và bãi như: Đảo Ốc Hoa, đảo Ba Ba, đảo Lưỡi Liềm, đá Hải Sâm, đá Lồi, đá Chim én, bãi Xà Cừ, bãi Ngự Bình, bãi ngầm Ốc Tai Voi...

2. Nhóm An Vĩnh

Nằm ở phía đông, bao gồm các đảo tương đối lớn của quần đảo Hoàng Sa và cũng là các đảo san hô lớn nhất của Biển Đông như đảo Phú Lâm, đảo Cây, đảo Linh Côn, đảo Trung, đảo Bắc, đảo Nam, đảo Tây, đảo Hòn Đá.

- Đảo Phú Lâm nằm ở tọa độ 16050,2 vĩ độ Bắc và 112020 kinh độ Đông, là đảo quan trọng nhất của cụm đảo An Vĩnh và quần đảo Hoàng Sa. Đảo có chiều dài 1,7 km, chiều ngang 1,2 km.

- Đảo Linh Côn có tọa độ 16040,3 vĩ độ Bắc và 112043,6 kinh độ Đông, cao khoảng 8,5 m, trên đảo có nước ngọt. Vùng san hô bao quanh đảo kéo dài về phía Nam đến 15 hải lý.

- Đảo Cây nằm ở tọa độ 16059 vĩ độ Bắc và 112015,9 kinh độ Đông.

- Đảo Trung (còn gọi là đảo Giữa) nằm ở tọa độ 16057,6 vĩ độ Bắc và 112019,1 kinh độ Đông.

- Đảo Bắc nằm ở tọa độ 16058 vĩ độ Bắc và 112018,3 kinh độ Đông.

- Đảo Nam nằm ở tọa độ 16057,0 vĩ độ Bắc và 112019,7 kinh độ Đông.

- Đảo Đá nằm ở tọa độ 16050,9 vĩ độ Bắc và 112020,5 kinh độ Đông, diện tích 0,4 km2.

Ngoài ra, nhóm An Vĩnh còn có nhiều mỏm đá, cồn cát và bãi như: Đá Trương Nghĩa, đá Sơn Kỳ, đá Trà Tây, đá Bông Bay, bãi Bình Sơn, bãi Đèn Pha, bãi Châu Nhai, cồn Cát Tây, cồn Cát Nam, Hòn Tháp, bãi cạn Gò Nổi, bãi Thủy Tề, bãi Quang Nghĩa.

**Câu 8. Những nét chính về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của quần đảo Trường Sa?**

Quần đảo Trường Sa nằm cách quần đảo Hoàng Sa khoảng 200 hải lý về phía Nam, bao gồm hơn 100 đảo, đá, bãi ngầm, bãi san hô, nằm rải rác trong phạm vi biển, khoảng từ vĩ tuyến 6030’ Bắc đến 12000’ Bắc và khoảng từ kinh tuyến 111030’ Đông đến 117020' Đông. Đảo gần đất liền nhất là đảo Trường Sa cách vịnh Cam Ranh (Khánh Hòa) khoảng 250 hải lý, cách điểm gần nhất của đảo Hải Nam (Trung Quốc) khoảng gần 600 hải lý và cách đảo Đài Loan khoảng 960 hải lý.

Các đảo của quần đảo Trường Sa thấp hơn các đảo của quần đảo Hoàng Sa. Độ cao trung bình trên mặt nước khoảng 3 - 5m. Quần đảo Trường Sa được chia làm tám cụm: Song Tử, Thị Tứ, Loại Ta, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm, Bình Nguyên. Song Tử Tây là đảo cao nhất (cao khoảng 4 - 6m lúc thủy triều xuống); Ba Bình là đảo rộng nhất (0,6 km2). Ngoài ra còn có nhiều đảo nhỏ và bãi đá ngầm như Sinh Tồn Đông, Chữ Thập, Châu Viên, Ga Ven, Ken Nan, Đá Lớn, Thuyền Chài. Tổng diện tích phần nổi của tất cả các đảo, đá, cồn, bãi ở quần đảo Trường Sa chỉ khoảng 3 km2 nhỏ hơn tổng diện tích của quần đảo Hoàng Sa (10 km2) nhưng lại trải ra trên một vùng biển rộng gấp hơn nhiều lần quần đảo Hoàng Sa.

Trên đảo Trường Sa và Song Tử Tây có đài khí tượng ngày đêm theo dõi và thông báo các số liệu về thời tiết ở vùng biển này cho mạng lưới quan trắc khí tượng thế giới và trên một số đảo có đèn biển của Tổng Công ty Bảo đảm hàng hải Việt Nam như đảo Song Tử Tây, đảo An Bang, đảo Đá Tây.

Trên các đảo có nhiều loại cây xanh như phong ba, phi lao, bàng vuông và một số loại dây leo cỏ dại. Chất đất trên các đảo của quần đảo Trường Sa là cát san hô, có lẫn những lớp phân chim lẫn mùn cây có bề dày khoảng 5 - 10 cm. Một số đảo trong quần đảo có nước ngầm như đảo Song Tử Tây, đảo Song Tử Đông, đảo Trường Sa. Nguồn lợi hải sản ở quần đảo Trường Sa rất phong phú, đặc biệt có loại vích là động vật quý hiếm, cá ngừ đại dương có giá trị kinh tế cao. Không chỉ có trữ lượng tài nguyên khá lớn, đa dạng mà quần đảo Trường Sa còn có vị trí quân sự chiến lược quan trọng án ngữ phía Đông Nam nước ta.

Điều kiện tự nhiên và khí hậu vùng này rất khắc nghiệt: nắng gió, giông bão thường xuyên, thiếu nước ngọt, nhiều đảo không có cây. Một số hiện tượng thời tiết cũng diễn biến khác với trong đất liền. Khí hậu ở quần đảo Trường Sa có thể chia làm hai mùa: mùa khô và mùa mưa. Mùa khô từ tháng 1 đến tháng 5, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 1 năm sau, lượng mưa trung bình hàng năm rất lớn vào khoảng hơn 2.500 mm. Hiện tượng dông trên vùng biển quần đảo này rất phổ biến, có thể nói quanh năm, tháng nào cũng có dông và là nơi thường có bão lớn đi qua, tập trung vào các tháng mùa mưa.

––––––––––––––––––

**Câu 9. Những nhóm đảo chính của quần đảo Trường Sa?**

Quần đảo Trường Sa được chia thành 8 nhóm: Song Tử, Thị Tứ, Loại Ta, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm, Bình Nguyên. Song Tử Tây là đảo cao nhất (khoảng 4 - 6m lúc thủy triều xuống); Ba Bình là đảo rộng nhất (0,6 km2).

1. Nhóm đảo Song Tử gồm đảo Song Tử Đông, Song Tử Tây, bãi Đá Bắc, bãi Đá Nam, bãi cạn Đinh Ba, bãi cạn Núi Cầu. Hai hòn đảo (Song Tử Đông và Song Tử Tây) nằm ở cực Bắc của quần đảo Trường Sa, ngang vĩ độ với Phan Rang (Ninh Thuận). Trên đảo có những cây cao trung bình, nhiều phân chim có thể chế biến thành phân bón, vòng quanh hai đảo này về phía đông và nam chừng 5 hải lý có nhiều mỏm đá ngầm. Rong biển mọc nhiều ở đây.

Song Tử Đông có hình dáng hơi tròn, diện tích 12,7 ha, dài 900 m, rộng 250 m, cao độ 3 m, có nhiều bãi cát và san hô xung quanh, nhiều cây cối. Song Tử Tây hình lưỡi liềm, nhỏ hơn Song Tử Đông, dài 700 m, rộng 300 m, có nước ngọt, có một vườn dừa và nhiều cây nhỏ. Có tháp ra-đa thời Việt Nam Cộng hòa.

2. Nhóm đảo Thị Tứ nằm ở phía Nam nhóm đảo Song Tử, gồm đảo Thị Tứ và các bãi đá (Hoài An, Tri Lễ, Cái Vung, Xu Bi, Vĩnh Hảo).

Đảo Thị Tứ hình bầu dục, rộng 550 m, dài 700 m, có giếng nước ngọt. Trên đảo có các loại cây: mù u, bàng, nhiều cây leo chằng chịt. Quanh đảo có nhiều bãi đá ngầm và rong biển.

3. Nhóm đảo Loại Ta nằm ở phía đông nhóm đảo Thị Tứ, gồm đảo Loại Ta và cồn san hô Lan Can (hay An Nhơn), đá An Lão, bãi Đường, bãi An Nhơn Bắc, bãi Loại Ta Bắc, bãi Loại Ta Nam, đảo Dừa và đá Cá Nhám. Đảo hình tròn, đường kính 300 m, cao khoảng 2 m, trên đảo có nhiều cây lớn. Vòng quanh đảo có nhiều bãi cát trắng tạo nên phong cảnh đẹp, có giếng nước ngọt nhưng rất nước.

4. Nhóm đảo Nam Yết nằm ở phía nam nhóm đảo Loại Ta, gồm đảo Nam Yết, đảo Sơn Ca, đảo Ba Bình, bãi Bàn Than, đá Núi Thị, đá Én Đất, đá Lạc, đá Gaven, đá Lớn, đá Nhỏ, đá Đền Cây Cỏ.

Nam Yết là hòn đảo cao nhất của quần đảo, lớn thứ hai sau đảo Ba Bình, ở phía Nam của nhóm đảo, hình chữ C, dài khoảng 700 m, rộng 250 m, cao khoảng gần 5 m. Trên đảo có nhiều loại cây và nhiều giống cây cỏ có gai vùng nhiệt đới. Quanh đảo có vòng san hô và bãi đá ngầm.

Đảo Sơn Ca có hình giống chữ C, dài 391 m, rộng 156 m, cao 3 m.

Đảo Ba Bình được xem là đảo lớn nhất trong quần đảo Trường Sa, thấp hơn đảo Nam Yết một chút.

Nhìn chung nhóm đảo này có điều kiện sinh hoạt tốt. Phía Tây Nam nhóm Nam Yết có đá Chữ Thập, đây là chỗ cao nhất của một bãi cạn dài 25 km, rộng tối đa 6 km.

5. Nhóm đảo Sinh Tồn nằm ở phía nam nhóm đảo Nam Yết, gồm đảo Sinh Tồn và đá Sinh Tồn Đông, đá Nhạn Gia, đá Bình Khê, đá Ken Nan, đá Tư Nghĩa, đá Bãi Khung, đá Đức Hòa, đá Ba Đầu, đá An Bình, đá Bia, đá Văn Nguyên, đá Phúc Sỹ, đá Len Đao, đá Gạc Ma, đá Cô Lin, đá Nghĩa Hành, đá Tam Trung, đá Sơn Hà.

6. Nhóm đảo Trường Sa nằm ở phía nam và tây nam của cụm Sinh Tồn, trải dài theo chiều ngang, gồm đảo Đá Lát, Trường Sa, đảo Đá Đông, đảo Trường Sa Đông, đảo Phan Vinh (Hòn Sập) và đá Châu Viên, đá Tốc Tan, đá Núi Le, đá Tiên Nữ. Đảo lớn nhất là đảo Trường Sa, có dạng hình tam giác cân mà đáy hơi chệch về phía bắc. Nhóm đảo không có cây lớn, nhiều nhất là nam sâm, có dược tính, các loại rau sam, muống biển. Có loại chim hải âu trắng, sơn ca, chim én. Có giếng nước ngọt song lại có mùi tanh của san hô.

7. Nhóm đảo An Bang nằm phía nam nhóm đảo Trường Sa gồm có đảo An Bang, bãi Đất, bãi Đinh, bãi Vũng Mây, bộ Thuyền Chài, bãi Trăng Khuyết, bãi Kiệu Ngựa, và đá Ba Kè, đá Hà Tần, đá Tân Châu, đá Lục Giang, đá Long Hải, đá Công Đo, đá Kỳ Vân, đá Hoa Lau.

An Bang là đảo duy nhất giống như một cái túi, đáy nằm ở phía đông và miệng thắt lại ở phía tây. Đảo tương đối nhỏ và dài, chỉ rộng 20 m lúc nước ròng.

8. Nhóm đảo Bình Nguyên nằm ở phía đông gồm đảo Bình Nguyên, đảo Vĩnh Viễn, đá Hoa, đá Đích-kin-xơn, đá Đin, đá Hàn Sơn, đá Pét, đá Vành Khăn, cồn san hô Giắc-xơn, bãi Cỏ Mây, bãi cạn Suối Ngà, đá Bốc Xan, bãi cạn Sa Bin, đá Hợp Kim, đá Ba Cờ, đá Khúc Giác, đá Bá, đá Giò Gà, đá Chà Và, bãi Mỏ Vịt, bãi cạn Nam, bãi Nâu, bãi Rạch Vang, bãi Rạch Lấp, bãi Na Khoai. Đảo Vĩnh Viễn dài chừng 580 m, cao khoảng 2 m. Đảo Bình Nguyên thấp hơn, hẹp bề ngang.

**Câu 10. Thế nào được gọi là vịnh? Tên các vịnh lớn của Việt Nam?**

Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 chỉ nêu định nghĩa chính thức đối với vịnh do bờ biển của một quốc gia hoặc nhiều quốc gia bao bọc. Khoản 2 điều 10 của Công ước quy định: "Vịnh cần được hiểu là một vùng lõm sâu rõ rệt vào đất liền mà chiều sâu của vùng lõm đó so sánh với chiều rộng ở ngoài cửa của nó đến mức là nước của vùng lõm đó được bờ biển bao quanh và vùng lõm đó sâu hơn là một sự uốn cong của bờ biển".

Tuy nhiên, Công ước quy định vùng lõm đó chỉ được coi là Vịnh khi đáp ứng đủ hai điều kiện:

(1) Diện tích của Vịnh ít nhất cũng bằng diện tích một nửa hình tròn có đường kính là đường thẳng kẻ ngang qua cửa vào của vùng lõm. Diện tích của vùng lõm được tính giữa ngấn nước triều thấp nhất dọc theo bờ biển của vùng lõm và đường thẳng nối liền các ngấn nước triều thấp nhất ở các điểm của cửa vào tự nhiên. Nếu do các đảo mà một vùng lõm có nhiều cửa vào, thì nửa hình tròn nói trên có đường kính bằng tổng số chiều dài các đoạn thẳng cắt ngang các cửa vào đó. Diện tích của các đảo nằm trong một vùng lõm được tính vào diện tích chung của vùng lõm (khoản 3 điều 10).

(2) Đường khép cửa vào tự nhiên của cửa Vịnh không vượt quá 24 hải lý. Nếu vượt quá 24 hải lý, thì được kẻ một đoạn đường cơ sở thẳng dài 24 hải lý ở phía trong Vịnh, sao cho phía trong của Vịnh có một diện tích nước tối đa" (khoản 5 điều 10).

Liên quan đến Việt Nam có hai vịnh lớn là: Vịnh Bắc Bộ và Vịnh Thái Lan ở Biển Đông.

**Câu 16. Những bãi biển du lịch nổi tiếng Việt Nam?**

Do bờ biển khúc khuỷu, nhiều cung bờ xen kẽ các mũi nhô đá gốc, nên từ Bắc vào Nam, nước ta có rất nhiều những bãi cát biển (bãi biển) tuyệt đẹp, nổi tiếng và đã trở nên quen thuộc với du khách trong và ngoài nước. Trong số khoảng hơn 100 bãi biển ở nước ta có khoảng 26 bãi biển đẹp (dài, rộng, thoải, cát trắng mịn, nước biển trong sạch, nằm ở nơi cảnh quan xung quanh đẹp, không có cá dữ và sinh vật gây hại,...).

Một số bãi biển đẹp ở các tỉnh, thành phố ven biển có thể kể là: Trà Cổ (Quảng Ninh), Quan Lạn (Quảng Ninh), Thanh Lân (Quảng Ninh); Cát Cò (Hải Phòng), Đồ Sơn (Hải Phòng), Sầm Sơn (Thanh Hóa), Cửa Lò (Nghệ An), Cửa Hội (Nghệ An), Thiên Cầm (Hà Tĩnh), Đá Nhảy (Quảng Bình), Cửa Tùng (Quảng Trị), Lăng Cô (Thừa Thiên - Huế), Mỹ Khê (Đà Nẵng), Quy Nhơn (Bình Định), Nha Trang (Khánh Hòa), Ninh Chữ (Ninh Thuận), Cà Ná (Ninh Thuận), Mũi Né (Bình Thuận), Bãi Trước (Vũng Tàu), Bãi Sau (Vũng Tàu), Phú Quốc (Kiên Giang),... Bên cạnh đó còn có các bãi biển đẹp, nổi tiếng thu hút du khách thuộc các đảo Cát Bà (Hải Phòng), Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), Phú Quốc (Kiên Giang)...

Bãi biển là yếu tố rất quan trọng đối với phát triển du lịch biển ở một xứ sở nhiệt đới, đặc biệt là các bãi biển nhỏ nhưng gắn với các hải đảo hoang sơ, các vụng biển tĩnh lặng như ở quần đảo Cát Bà (Hải Phòng). Mỗi bãi biển đều có những nét đẹp và lợi thế riêng, thu hút du khách trong và ngoài nước. Nằm trong vùng nhiệt đới ấm nóng quanh năm, nên vùng ven biển và hải đảo nước ta quanh năm chan hòa ánh nắng mặt trời, cùng với các bãi cát trắng, mịn trải dài ven sóng, biển xanh mênh mông nước ta rất có lợi thế phát triển du lịch "3S" (sun, sea, sand). Vì thế, việc quy hoạch sử dụng hợp lý và quản lý hiệu quả các bãi biển sẽ góp phần duy trì được lợi thế trong phát triển du lịch biển, đảo bền vững.

**Câu 21. Trong Biển Đông hiện nay đang tồn tại những loại tranh chấp gì?**

Trước hết, theo quan điểm của Việt Nam và căn cứ vào nguyên tắc của luật pháp và thực tiễn quốc tế có liên quan đến quyền thụ đắc lãnh thổ, Việt Nam có chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Căn cứ vào Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982, Việt Nam có chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng biển và thềm lục địa được xác lập phù hợp với Công ước này.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà một số nước đã nhảy vào tranh chấp chủ quyền lãnh thổ với Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, và, do việc giải thích và áp dụng Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 của các nước ven biển nằm bên bờ Biển Đông khác nhau, nên đã hình thành các khu vực biển và thềm lục địa chồng lấn cần được tiến hành phân định giữa các bên liên quan.

Từ thực tế đó, hiện tại trong Biển Đông đang tồn tại hai loại tranh chấp chủ yếu:

- Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam.

- Tranh chấp trong việc xác định ranh giới các vùng biển và thềm lục địa chồng lấn giữa các nước có bờ biển liền kề hay đối diện nhau ở xung quanh Biển Đông.

**Câu 25. Nhà nước phong kiến Việt Nam đã chiếm hữu và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa như thế nào?**

Nhà nước phong kiến Việt Nam suốt trong 3 thế kỷ, từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX, dù trải qua 3 triều đại khác nhau, đều đã thực hiện sứ mệnh thiêng liêng của mình, với tư cách là Nhà nước Đại Việt, tiến hành chiếm hữu và thực thi chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa:

Nhà nước Đại Việt thời chúa Nguyễn: Chứng cứ lịch sử có giá trị pháp lý chứng minh việc chiếm hữu và thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, đó là sự ra đời và hoạt động thường xuyên, liên tục của đội Hoàng Sa, một tổ chức do nhà nước lập ra để đi quản lý, bảo vệ, khai thác hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đội Hoàng Sa, về sau lập thêm đội Bắc Hải do đội Hoàng Sa kiêm quản, đã hoạt động theo lệnh của 7 đời chúa, từ chúa Nguyễn Phúc Lan hay Nguyễn Phúc Tần cho đến khi phong trào Tây Sơn nổi dậy.

Nhà nước Đại Việt thời Tây Sơn: Trong thời gian từ 1771 đến năm 1801, gần như lúc nào cũng có chiến tranh, trên đất liền cũng như ngoài Biển Đông. Tuy nhiên, các lực lượng của Chúa Nguyễn, Chúa Trịnh, Tây Sơn đã làm chủ được từng khu vực lãnh thổ thuộc phạm vi quản lý của mình.

Từ năm 1773, Tây Sơn chiếm được cảng Quy Nhơn, tiến về phía Quảng Nam, kiểm soát đến Bình Sơn, Quảng Ngãi, nơi có cửa biển Sa Kỳ và Cù Lao Ré, căn cứ xuất phát của Đội Hoàng Sa.

Năm 1775, Phường Cù Lao Ré thuộc xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi đã nộp đơn xin cho phép đội Hoàng Sa và đội Quế Hương hoạt động trở lại theo thông lệ.

Năm 1778, Nguyễn Nhạc xưng Hoàng đế, chính quyền Tây Sơn được củng cố một cách hoàn chỉnh và năm 1786, đã ra quyết định sai phái Hội Đức hầu, cai đội Hoàng Sa, chỉ huy 4 chiếc thuyền câu vượt biển ra Hoàng Sa làm nhiệm vụ như cũ. Ngoài ra còn có các đội Quế Hương, Đại Mạo, Hải Ba cũng được giao nhiệm vụ hoạt động trong Biển Đông.

Nhà nước Việt Nam thời nhà Nguyễn tiếp tục sử dụng đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải làm nhiệm vụ khai thác và bảo vệ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa: Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn, thống nhất đất nước, tuy bận việc nội trị, vẫn tiếp tục quan tâm đến việc bảo vệ, quản lý và khai thác khu vực hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Tháng 7 năm 1803, vua Gia Long cho lập lại đội Hoàng Sa: Lấy cai cơ Võ Văn Phú làm thủ ngự cửa biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập làm đội Hoàng Sa (theo Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhất kỷ, quyển 12).

Tháng Giêng năm Ất Hợi (1815) vua Gia Long quyết định: "sai bọn Phạm Quang Ảnh thuộc đội Hoàng Sa ra Hoàng Sa xem xét đo đạc thủy trình"... (Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhất kỷ, q.50, tờ 6a).

Sang đời Minh Mạng, việc đo đạc thủy trình chủ yếu giao cho thủy quân thực hiện...

Năm 1833, 1834, 1836, Minh Mạng đã chỉ thị cho Bộ Công phái người ra Hoàng Sa để dựng bia chủ quyền, đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ... mỗi thuyền vãng thám Hoàng Sa phải đem theo 10 tấm bài gỗ dài 4, 5 thước, rộng 5 tấc, "Vua Minh Mạng đã chuẩn y lời tâu của Bộ Công sai suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật đưa binh thuyền đi, đem theo 10 cái bài gỗ dựng làm dấu mốc... ".

Như vậy, suốt từ thời chúa Nguyễn đến thời nhà Nguyễn, đội Hoàng Sa, kiêm quản đội Bắc Hải, đã đi làm nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Những hoạt động này đã được các văn bản nhà nước ghi nhận, như: châu bản của triều đình nhà Nguyễn, các văn bản của chính quyền địa phương như tờ lệnh, tờ tư, bằng cấp,... hiện đang được lưu trữ tại các Cơ quan lưu trữ nhà nước.

Trong giai đoạn lịch sử này, có một chứng cứ hết sức quan trọng không thể không đề cập đến khi chứng minh nhà nước phong kiến Việt Nam đã quản lý thật sự, hiệu quả đối với hai quần đảo này. Đó là việc tổ chức đơn vị hành chính của Hoàng Sa trong hệ thống tổ chức hành chính của nhà nước lúc bấy giờ. Thời chúa Nguyễn, Hoàng Sa thuộc Thừa tuyên Quảng Nam hay Quảng Nghĩa (Ngãi), lúc là phủ khi thì trấn: "Bãi Cát vàng trong phủ Quảng Nghĩa" (Toản tập Thiên nam tứ chí lộ đồ thư); "Hoàng Sa ở phủ Quảng Nghĩa (thuộc dinh Quảng Nam, huyện Bình Sơn, xã An Vĩnh" (Phủ biên tạp lục của Lê Quí Đôn); sang thời Tây Sơn, phủ Quảng Nghĩa đổi thành phủ Hòa Nghĩa. Thời nhà Nguyễn, Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

**Câu 29. Vài nét khái quát về Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư - một trong những  tác phẩm đầu tiên đề cập đến chủ quyền của Việc Nam ở Hoàng Sa, Trường sa?**

Cuốn sách Toản tập Thiên Năm tứ chí lộ đồ thư gồm 4 quyển, có một số bản đồ với những hàng chữ chú giải, do nho sinh họ Đỗ Bá, tên tự là Đạo Phủ (thường được gọi là Đỗ Bá Công Đạo) sưu tầm, biên soạn vào khoảng năm 1630 đến 1653, đã xác nhận rằng Chúa Nguyễn lập đội Hoàng Sa để quản lý và khai thác quần đảo Hoàng Sa từ thế kỷ XVII.

Trong Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư (quyển l) có đề cập đến Hoàng Sa như sau: "Ở làng Kim Hồ, trên hai bên bờ sông, có hai ngọn núi, mỗi ngọn đều có mỏ vàng được khai thác dưới sự kiểm soát của chính phủ. Ở giữa biển, có một quần đảo dài 400 lý và rộng 200 lý có tên là "Bãi Cát Vàng" nhô lên từ đáy biển hướng về phía duyên hải giữa hai cảng Đại Chiêm và Sa Vinh. Vào mùa mưa tây - nam, các thương thuyền từ các quốc gia khác nhau qua lại gần bờ thường bị đắm ở các khu vực quần đảo này. Điều tương tự cũng xảy ra trong mùa mưa đông - bắc cho các thương thuyền qua lại trên vùng biển. Tất cả mọi người trên tàu bị đắm ở khu vực này thường bị chết đói. Nhiều loại thương thuyền khác nhau bị đắm trôi dạt vào đảo này. Mỗi năm trong suốt tháng cuối cùng của mùa đông, các Chúa nhà Nguyễn thường phái đến các đảo này một hạm đội gồm 18 tàu buồm để với các chiếc tàu đắm. Họ thu được rất nhiều vàng, bạc, tiền đúc, súng ống và đạn dược. Từ cảng Đại Chiêm phải mất một ngày rưỡi để đến quần đảo này, trong khi chỉ mất có một ngày nếu khởi đi từ Sa Kỳ".

Mặc dù sự mô tả địa lý trong tác phẩm chưa thật chính xác so với thực tế nhưng cũng cho thấy rõ ràng Nhà nước Việt Nam thời xưa đã chiếm hữu, chính thức khai thác "Bãi cát vàng" (quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa). Như vậy là, Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư do Đỗ Bá Công Đạo sưu tập, soạn vẽ và chính thức hoàn thành theo lệnh của chúa Trịnh những năm niên hiệu Chính Hòa (1680 -1705) có thể coi là văn kiện của nhà nước, một tài liệu chính thức của quốc gia. Những thông tin thể hiện trong bộ "đồ thư" này cho thấy rõ ràng cương giới xứ Đàng Trong do chúa Nguyễn quản lý từ cuối thế kỷ XVI đã mở rộng ra khu vực các quần đảo ở giữa Biển Đông. Tên gọi nôm na mà nhân dân xứ Đàng Trong đặt cho hai quần đảo san hô là "Bãi cát vàng", rồi chuyển sang âm Hán Việt là "Hoàng Sa", "Hoàng Sa chử" để sử dụng chính thức trong các văn kiện, tài liệu của triều đình thời Lê và Nguyễn, như trong Đại Nam thực lục, Đại Nam nhất thống chí, Đại Nam nhất thống toàn đồ, tên gọi này được dùng để chỉ chung cả hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa ngày nay.

**Câu 31. Vài nét về đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải?**

Suốt trong ba thế kỷ, từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX, một tổ chức của nhà nước, đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải (do đội Hoàng Sa kiêm quản), là bằng chứng hùng hồn có giá trị pháp lý về sự xác lập chủ quyền của Đại Việt ở Đàng Trong đối với Hoàng Sa.

Đội Hoàng Sa ra đời ở Cửa biển Sa Kỳ và Cù Lao Rẻ thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Đây là một tổ chức nhà nước, vừa mang tính chất dân sự, vừa mang tính chất quân sự; vừa có chức năng kinh tế, vừa có chức năng quản lý nhà nước ở Biển Đông, ra đời từ đầu thời chúa Nguyễn.

Đứng đầu đội Hoàng Sa là một "cai đội", những thành viên trong Đội được gọi là "lính". Đó là những quân nhân đi làm nhiệm vụ do Vua, Chúa ban.

Thời Chúa Nguyễn, mỗi năm lấy 70 suất đinh để thực hiện những nhiệm vụ của đội Hoàng Sa. Số lượng 70 suất là số lượng các biệt cho một đội dân binh như đội Hoàng Sa.

Sử sách Việt Nam và của cả Trung Quốc đều chép đội Hoàng Sa được thành lập vào đầu thời chúa Nguyễn. Hải ngoại ký sự (Trung Quốc) viết năm 1696, chép thời Quốc Vương trước đã có những hoạt động của đội "Hoàng Sa" và Phủ biên tạp lục viết năm 1776, chép "Tiền Nguyễn Thị". Đại Nam thực lục tiền biên (1821) chép "Quốc sơ trí Hoàng Sa". Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư (năm 1686), đã đề cập đến các hoạt động của đội Hoàng Sa. Phủ biên tạp lục cũng như các tài liệu khác đều cho biết đội Hoàng Sa khi trở về đất liền vào tháng 8 âm lịch vào cửa Eo hay Tư Hiền rồi nộp sản vật tại chính dinh ở Phú Xuân. Thời chúa Nguyễn Phúc Lan mới bắt đầu dời chính dinh đến Kim Long vào năm Dương Hoà nguyên niên (1635) và thời chúa Nguyễn Phúc Tần mới dời qua Phú Xuân.

Đội Hoàng Sa đã hoạt động kể từ chúa Nguyễn Phúc Lan hay Nguyễn Phúc Tần đến hết thời kỳ chúa Nguyễn, cả thảy 7 đời chúa, gần một thế kỷ rưỡi. Phong trào Tây Sơn nổi dậy, chúa Nguyễn chạy vào đất Gia Định thì đội Hoàng Sa đặt dưới quyền kiểm soát của Tây Sơn mà trong tài liệu còn lưu giữ tại nhà thờ họ Võ, phường An Vĩnh, Cù Lao Rẻ, đã cho biết năm 1786 (tức niên hiệu Thái Đức năm thứ 9), dân Cù Lao Ré đã xin chính quyền Tây Sơn cho đội Hoàng Sa hoạt động trở lại. Đến những năm cuối cùng của Tây Sơn, hoạt động của đội Hoàng Sa cũng bị ảnh hưởng, nên đến vua Gia Long (1803) mới cho đội Hoàng Sa hoạt động trở lại.

Về lịch hoạt động ngoài đảo, theo những tài liệu như Hoàng Việt địa dư chí, Đại Nam thực lục tiền biên, Đại Nam nhất thống chí..., hàng năm đội Hoàng Sa bắt đầu đi từ tháng 3 âm lịch đến tháng 8 âm lịch thì về. Riêng theo Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư hay Toàn tập An Nam lộthì lúc đi vào thời điểm cuối Đông, không nói thời gian về; theo Phủ biên tạp lục có bản đồ thường đi vào tháng giêng âm lịch đến tháng 8 về.

Đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải có nhiệm vụ thu lượm các sản vật từ các tàu đắm, các hải sản quý từ vùng biển quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Ngoài ra, về sau còn đảm trách đi xem xét, đo đạc thủy trình vùng Hoàng Sa.

Đội Hoàng Sa còn được giao nhiệm vụ kiêm quản đội Bắc Hải, một tổ chức được lập ra để thực tế nhiệm vụ trên khu vực quần đảo Trường Sa. Đội Bắc Hải được thành lập sau đội Hoàng Sa vào khoảng trước năm 1776. Địa bàn hoạt động của đội Bắc Hải chủ yếu là ở khu vực quần đảo Trường Sa, khu vực biển Côn Sơn, Hà Tiên...

Phủ biên tạp lục, quyển 2, của Lê Quý Đôn đã ghi chép về đội Bắc Hải như sau:

"Họ Nguyễn còn thiết lập đội Bắc Hải. Đội này không định trước bao nhiêu suất. Hoặc chọn người thôn Tứ Chính thuộc phủ Bình Thuận, hoặc chọn người làng Cảnh Dương, lấy những người tình nguyện bổ sung vào đội Bắc Hải. Ai tình nguyện đi thì cấp giấy sai đi và chỉ thị sai phái đội ấy đi làm nhiệm vụ".

"Những người được bổ sung vào đội Bắc Hải đều được miễn nạp tiền sưu cùng các thứ tiền lặt vặt, như tiền đi qua đồn tuần, qua đò".

"Những người trong đội đi thuyền câu nhỏ ra xứ Bắc Hải, Cù lao Côn Lôn và các đảo thuộc vùng Hà Tiên để tìm kiếm, lượm nhặt những hạng đồi mồi, hải ba, đồn ngư (cá heo lớn), lục quý ngư, hải sâm".

Các sử sách được viết vào thế kỷ XIX như Đại Nam thực lục tiền biên, soạn xong năm 1844, Đại Nam nhất thống chí, soạn xong năm 1882, cũng đã ghi nhận về hoạt động của đội Bắc Hải.

32. Vài nét về Lễ Khao lề thế lính. Nghi lễ này được tổ chức ở đâu? Trong thời gian nào? Ý nghĩa của nghi lễ này?

Vào thế kỷ XVII, Chúa Nguyễn tổ chức "đội Hoàng Sa" lấy người từ xã An Vĩnh huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi làm nhiệm vụ quản lý, khai thác Hoàng Sa, thu lượm hàng hóa của các tàu mắc cạn, đánh bắt hải sản quý hiếm mang về dâng nộp và còn đo vẽ, trồng cây và dựng mốc trên hai quần đảo. Trước khi những người lính Hoàng Sa chuẩn bị xuống thuyền, các tộc họ trên đảo Lý Sơn tổ chức lễ Khao lề thế lính. Lễ này được tổ chức vào ngày 20 tháng 2 âm lịch hàng năm để cầu cho người ra đi được bình an trên dặm dài sóng nước. Ngày nay, cũng vào tháng 2, tháng 3 âm lịch hàng năm, chính quyền tỉnh Quảng Ngãi và nhân dân trên đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) đều tổ chức Lề Khao lề thế lính Hoàng Sa tại đình làng An Vĩnh, xã An Vĩnh, huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Buổi lễ diễn ra với các nghi thức cúng tế như: thổi kèn ốc, tái hiện hình ảnh các hùng binh ra khơi, thả thuyền nan và hình nhân xuống biển hướng tới quần đảo Hoàng Sa... đã trở thành một nghi lễ truyền thống nhằm giữ gìn bản sắc quê hương, tri ân đến những người con đất Việt qua các thế hệ đã không quản khó khăn, thậm chí hy sinh cả tính mạng mình để bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, đồng thời giáo dục con cháu lòng yêu nước, tự hào dân tộc cũng như ý thức sâu sắc về chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

Hàng năm, ngư dân trên đảo Lý Sơn vẫn thường xuyên tổ chức Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa, nghi thức truyền thống này không chỉ nhận được sự quan tâm, ủng hộ của chính quyền và nhân dân địa phương tỉnh Quảng Ngãi mà còn thu hút sự chú ý của đông đảo nhân dân trong cả nước cũng như kiều bào ta ở nước ngoài. Do tính chất và ý nghĩa của nó, Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa đã được nhà nước quyết định nâng cấp trở thành lễ hội cấp quốc gia và đình làng An Vĩnh, nơi diễn ra lễ hội này đã được công nhận là Di tích Văn hóa phi vật thể của Việt Nam.

**Câu 34. Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 ra đời như thế nào?**

Các quy ước có tính quốc tế liên quan đến biển đã hình thành từ rất sớm, ngay trong thời kỳ cổ đại. Đến thế kỷ XIII, một số nguyên tắc về luật biển đã xuất hiện và phổ biến ở Bắc Âu, Địa Trung Hải. Vào thế kỷ XVII, Luật Biển bắt đần được khái quát, tổng kết một cách có hệ thống.

Hội nghị quốc tế đầu tiên về Luật Biển được Hội Quốc liên triệu tập năm 1930 tại La Hay (Hà Lan) để bàn luận, xây dựng các quy định quốc tế về quy chế lãnh hải, chống cướp biển và các nguyên tắc sử dụng tài nguyên thiên nhiên của biển. Do có nhiều mâu thuẫn giữa các quốc gia tham gia hội nghị về chiều rộng lãnh hải nên Hội nghị La Hay 1930 chưa đạt được kết quả cụ thể nào.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945), Liên Hợp quốc được thành lập để giữ gìn hòa bình, ngăn chặn chiến tranh và giải quyết các vấn đề quốc tế. Năm 1958, Liên Hợp quốc triệu tập Hội nghị lần thứ nhất về Luật Biển tại Genève (Thụy Sĩ). Hội nghị này đã thông qua 4 công ước quốc tế đầu tiên về luật biển là: Công ước về Lãnh hải và Vùng tiếp giáp; Công ước về Biển cả; Công ước về đánh cá và bảo tồn tài nguyên nguyên sinh vật của biển cả; và Công ước về Thềm lục địa.

Ngày 15/3/1960, Liên Hợp quốc tiếp tục triệu tập Hội nghị Luật Biển lần thứ II tại Genève (Thụy Sĩ). Nhưng do có nhiều bất đồng nên hội nghị này đã không đạt được kết quả nào đáng kể.

Đến năm 1973, Hội nghị của Liên Hợp quốc về Luật Biển lần thứ 3 đã được chính thức triệu tập. Qua 9 năm thương lượng (từ năm 1973 đến 1982) với 11 khóa họp, Hội nghị của Liên Hợp quốc về Luật Biển lần thứ 3 đã thông qua các công ước mới về Luật Biển ngày 30/4/1982 với 130 phiếu thuận, 04 phiếu chống, 17 phiếu trắng và 02 nước không tham gia bỏ phiếu. Ngày 10/12/1982, 107 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có Việt Nam đã chính thức ký kết Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển tại Montego Bay (Jamaica).

Đến tháng 1/1996 đã có 108 nước phê chuẩn, Công ước có hiệu lực từ ngày 16/1/1994.

Quá trình soạn thảo Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 trải qua 2 giai đoạn cơ bản là giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn đàm phán trong hội nghị, xây dựng liên tục nhiều bản dự thảo Công ước, cho đến lễ ký kết Công ước diễn ra từ ngày 07/12/1982 đến ngày 10/12/1982 tại Montego Bay (Jamaica).

––––––––––––––––––––––––

**Câu 35. Những nội dung chính của Công ước Liên Hiệp quốc về Luật Biển năm 1982?**

Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (gọi tắt là Công ước Luật Biển 1982) được 107 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có Việt Nam, ký kết tại Montego Bay (Jamaica) ngày 10/12/1982. Công ước bao gồm 17 phần, 320 điều khoản, 9 phụ lục và 4 nghị quyết. Công ước có hiệu lực từ ngày 16/11/1994. Hiện nay đã có 162 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia Công ước.

Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 là một văn kiện quốc tế tổng hợp toàn diện bao quát được tất cả những vấn đề quan trọng nhất về chế độ pháp lý của biển và đại dương thế giới, xác định rõ ràng quyền và nghĩa vụ của mỗi quốc gia (có biển cũng như không có biển, phát triển hay đang phát triển) về nhiều mặt như an ninh, bảo vệ, nuôi trồng, khai thác tài nguyên, giao thông liên lạc, nghiên cứu khoa học, công nghệ... đối với các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia cũng như đối với các vùng biển nằm ngoài phạm vi thuộc quyền tài phán quốc gia. Công ước cũng đã đặt ra trình tự và thủ tục giải quyết các tranh chấp trên biển giữa các quốc gia bằng các biện pháp hòa bình. Công ước thể hiện sự cố gắng lớn của cộng đồng quốc tế để điều chỉnh tất cả các khía cạnh liên quan đến biển, tài nguyên biển và việc sử dụng biển, tạo nên một trật tự thế giới mới cho việc quản lý và sử dụng biển của nhân loại.

––––––––––––––––––––––––

**Câu 36. Vai trò và ý nghĩa của Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982?**

Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 là một công ước tiến bộ thể hiện sự thoả hiệp mang tính toàn cầu có tính đến lợi ích của tất cả các quốc gia trên thế giới. Công ước không chấp nhận bảo lưu mà đòi hỏi phải tham gia cả gói (package deal) theo nguyên tắc "nhất trí" (consensus). Nếu phê chuẩn Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982, các quốc gia phải có trách nhiệm ràng buộc và thực hiện toàn bộ các điều khoản của Công ước.

Công ước được coi là một trong những thành tựu có ý nghĩa nhất trong lĩnh vực luật pháp quốc tế của thế kỷ XX và Công ước đã tạo ra một trật tự pháp lý mới trên biển, tương đối công bằng và được thừa nhận rộng rãi.

Ngay sau Lễ ký kết Tổng Thư ký Liên Hợp quốc đã đánh giá "Công ước là văn bản pháp lý có ý nghĩa nhất của thế kỷ này", còn Chủ tịch Hội nghị Liên Hợp quốc lần thứ III về Luật Biển, ông Tommy TB Koh, gọi Công ước là "Bản Hiến pháp cho Đại dương".

––––––––––––––––––––––––

**Câu 37. Khái niệm chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán được hiểu như thế nào trong Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982?**

**-** Chủ quyền là quyền làm cho tuyệt đối của quốc gia độc lập đối với lãnh thổ của mình. Chủ quyền của quốc gia ven biển là quyền tối cao của quốc gia được thực hiện trong phạm vi nội thủy và lãnh hải của quốc gia đó.

- Quyền chủ quyền là các quyền của quốc gia ven biển được hưởng trên cơ sở chủ quyền đối với mọi loại tài nguyên thiên nhiên trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của mình, cũng như đối với những hoạt động nhằm thăm dò và khai thác vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của quốc gia đó vì mục đích kinh tế, bao gồm cả việc sản xuất năng lượng từ nước, hải lưu, gió...

- Quyền tài phán là thẩm quyền riêng biệt của quốc gia ven biển trong việc đưa ra các quyết định, quy phạm và giám sát việc thực hiện chúng, như: cấp phép, giải quyết và xử lý đối với một số loại hình hoạt động, các đảo nhân tạo, thiết bị và công trình trên biển, trong đó có việc lắp đặt và sử dụng các đảo nhân tạo các thiết bị và công trình nghiên cứu khoa học về biển; bảo vệ và gìn giữ môi trường biển trong vùng đặc quyền kinh tế hay thềm lục địa của quốc gia đó.

Quyền chủ quyền có nguồn gốc từ chủ quyền lãnh thổ trong khi quyền tài phán là hệ quả của quyền chủ quyền, có tác dụng hỗ trợ tạo ra môi trường để thực hiện quyền chủ quyền được tốt hơn. Bên cạnh đó, trong khi chủ quyền và quyền chủ quyền chỉ được thực hiện trên vùng lãnh thổ mà quốc gia có quyền thì quyền tài phán có không gian mở rộng hơn, tới những nơi mà quốc gia đó không có chủ quyền (ví dụ quyền tài phán áp dụng trên tàu thuyền có treo cờ của một quốc gia nhất định đang hoạt động trong vùng biển thuộc chủ quyền của một quốc gia khác).

––––––––––––––––––––––––

**Câu 38. Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 quy định các vùng biển nào thuộc chủ quyền của các quốc gia ven biển?**

Theo Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982, các quốc gia ven biển có chủ quyền đối với nội thủy và lãnh hải của mình, chủ quyền này cũng được mở rộng vùng trời ở bên trên đến vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển ở bên dưới các vùng biển đó.

Điều 8, khoản 1 Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982  định nghĩa nội thủy là "các vùng nước ở phía bên trong đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải". Trong vùng nội thủy, các quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn tuyệt đối và đầy đủ như trên lãnh thổ đất liền của mình. Tàu thuyền nước ngoài muốn ra vào vùng nội thủy phải xin phép quốc gia ven biển và phải tuân theo luật lệ của quốc gia đó.

Lãnh hải hay còn gọi là "vùng nước lãnh thổ" là một dải biển ven bờ nằm ngoài và tiếp liền với lãnh thổ đất liền hoặc nội thủy của quốc gia ven biển, có chiều rộng nhất định được tính từ đường cơ sở của quốc gia đó và thuộc chủ quyền hoàn toàn của quốc gia ven biển. Chủ quyền này được mở rộng và áp dụng đối với cả vùng trời trên lãnh hải, cũng như đối với đáy biển và lòng đất dưới đáy của lãnh hải.

Tuy nhiên, do yêu cầu, tính chất truyền thống của hàng hải quốc tế luật pháp quốc tế trù định quyền của mọi loại tàu, thuyền của tất cả các quốc gia được đi qua không gây hại trong lãnh hải của quốc gia ven biển với điều kiện không gây ảnh hưởng đến hòa bình, trật tự, an ninh và môi trường của quốc gia ven biển. Cần lưu ý là quyền đi qua không gây hại không được áp dụng đối với vùng trời trên lãnh hải. Phương tiện bay nước ngoài muốn bay qua vùng trời trên lãnh hải của một nước ven biển phải xin phép nước ven biển đó.

Đối với quốc gia quần đảo, lãnh hải nằm ngoài và tiếp liền với lãnh thổ và vùng nước quần đảo của quốc gia quần đảo đó. Đối với các đảo riêng biệt, đáp ứng đúng định nghĩa đảo nêu trong luật pháp quốc tế (Điều 121, Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982) thuộc về một quốc gia ven biển, nhưng nằm ngoài phạm vi lãnh hải chung của quốc gia đó, thì lãnh hải của từng đảo này cũng được xác định như trên. Đại đa số quốc gia trên thế giới quy định chiều rộng lãnh hải từ 3-l2 hải lý. Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 19821 quy định chiều rộng lãnh hải của quốc gia ven biển không quá 121 hải lý, kể từ đường cơ sở được vạch ra theo đúng công ước.

**Câu 41. Theo Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển 1982, Việt Nam có những vùng biển nào?**

Việt Nam là một quốc gia ven biển với hơn 3.260 km đường bờ biển. Theo Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982, Việt Nam có các vùng biển là nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và vùng thềm lục địa. Phạm vi và chế độ pháp lý các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam được quy định chỉ tiết trong Luật Biển Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

––––––––––––––––––––––––

**Câu 42. Quy định về nội thuỷ của Việt Nam?**

Theo điều 9 và 10 của Luật Biển Việt Nam 2012, nội thủy của Việt Nam là vùng nước tiếp giáp với bờ biển ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam. Theo quy định thì nội thủy bao gồm cửa sông, vũng vịnh, cửa biển và vùng nước ở phía trong đường cơ sở và giáp với bờ biển. Nhà nước thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ đối với nội thủy như trên lãnh thổ đất liền.

––––––––––––––––––––––––

**Câu 43. Tàu thuyền nước ngoài hoạt động trong nội thủy Việt Nam phải chấp hành những quy định gì?**

Tàu thuyền, máy bay nước ngoài khi hoạt động trong vùng nội thủy của Việt Nam là đang ở trong lãnh thổ Việt Nam, cho nên phải tuyệt đối chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến các hoạt động trong vùng nội thủy của Việt Nam như: việc cấp phép bay, lưu thông hàng hải, phân luồng lạch đi lại, quy định của các cảng biển... cũng như những quy định khác về an ninh, quốc phòng, trật tự công cộng, kiểm dịch, y tế, hải quan,...

**Câu 45. Chiều rộng và chế độ pháp lý của lãnh hải Việt Nam?**

Điều 11 Luật Biển Việt Nam (2012) khẳng định lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam".

Điều 12 Luật Biển Việt Nam cũng quy định rõ chế độ pháp lý lãnh hải Việt Nam như sau:

1. Nhà nước thực hiện chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn đối với lãnh hải và vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải phù hợp với Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

2. Tàu thuyền của tất cả các quốc gia được hưởng quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam. Đối với tàu quân sự nước ngoài khi thực hiện quyền qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam, thông báo trước cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

3. Việc đi qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài phải được thực hiện trên cơ sở tôn trọng hòa bình, độc lập, chủ quyền, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên.

4. Các phương tiện bay nước ngoài không được vào vùng trời ở trên lãnh hải Việt Nam, trừ trường hợp được sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam hoặc thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Nhà nước có chủ quyền đối với mọi loại hiện vật khảo cổ, lịch sử trong lãnh hải Việt Nam.

**Câu 47. Phạm vi và chế độ pháp lý của vùng tiếp giáp lãnh hải theo Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Luật Biển Việt Nam 2012?**

Theo Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982, vùng tiếp giáp lãnh hải được hiểu là vùng biển nằm ngoài lãnh hải và tiếp liền với lãnh hải. Vùng biển này hợp với lãnh hải và có chiều rộng tối đa là 24 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải.

Trong vùng tiếp giáp lãnh hải, quốc gia ven biển có quyền tài phán trong việc ngăn ngừa những vi phạm đối với các luật và quy định hải quan, thuế khoá, y tế hay nhập cư xảy ra trên lãnh thổ hay lãnh hải của mình, có quyền tài phán trong việc trừng trị những vi phạm đối với các luật và quy định nói trên, xảy ra trên lãnh thổ hay lãnh hải của mình. Ngoài ra, điều 303 của Công ước còn mở rộng quyền của quốc gia ven biển đối với các hiện vật có tính lịch sử và khảo cổ, theo đó, việc lấy các hiện vật từ đáy biển trong vùng tiếp giáp lãnh hải mà không được phép của quốc gia ven biển, sẽ được coi là sự vi phạm các luật và quy định của quốc gia đó trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải của mình.

Điều 13 Luật Biển Việt Nam 2012 quy định "Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải".

Điều 14 quy định chế độ pháp lý của vùng tiếp giáp lãnh hải của Việt Nam như sau:

1. Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và các quyền khác quy định tại Điều 16 của Luật này đối với vùng tiếp giáp lãnh hải.

2. Nhà nước thực hiện kiểm soát trong vùng tiếp giáp lãnh hải nhằm ngăn ngừa và trừng trị hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, thuế, y tế, xuất nhập cảnh xảy ra trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải Việt Nam.

**Câu 48. Phạm vi và chế độ pháp lý của vùng đặc quyền kinh tế theo Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Luật Biển Việt Nam 2012?**

Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển 1982 quy định: "Vùng đặc quyền kinh tế là một vùng nằm ở phía ngoài lãnh hải và tiếp liền với lãnh hải...".

Chiều rộng của vùng đặc quyền kinh tế "không được mở rộng ra quá 200 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải" (điều 57).

Vùng đặc quyền kinh tế là một chế định pháp lý mới, lần đầu tiên được ghi nhận trong Công ước. Đây là một vùng biển đặc thù, trong đó quốc gia ven biển có những thẩm quyền riêng biệt nhằm mục đích kinh tế, tuân theo những quy định của Công ước.

Trong vùng đặc quyền kinh tế, quốc gia ven biển có những quyền sau:

- Các quyền chủ quyền về việc thăm dò, khai thác, bảo tồn và quản lý các tài nguyên sinh vật và không sinh vật, của vùng nước trên đáy biển, của đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, cũng như những hoạt động khác nhằm thăm dò và khai thác vùng này vì mục đích kinh tế từ nước, hải lưu và gió.

- Quyền tài phán theo đúng những quy định thích hợp của Công ước về việc: Lắp đặt và sử dụng các đảo nhân tạo, các thiết bị và công trình; Nghiên cứu khoa học về biển; Bảo vệ và gìn giữ môi trường biển; và các quyền và nghĩa vụ khác do Công ước quy định.

Trong vùng đặc quyền kinh tế, các quốc gia khác (dù có biển hay không có biển) đều được hưởng quyền tự do hàng hải, tự do hàng không, tự do đặt dây cáp và ống dẫn ngầm, cũng như quyền tự do sử dụng biển vào những mục đích khác hợp pháp (khoản 1 điều 58).

Phù hợp với quy định của Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982, Luật Biển Việt Nam 2012 quy định cụ thể: Vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

Luật Biển Việt Nam quy định chế độ pháp lý vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam như sau:

1. Trong vùng đặc quyền kinh tế, Nhà nước thực hiện:

a) Quyền chủ quyền về việc thăm dò, khai thác, quản lý và bảo tồn tài nguyên thuộc vùng nước bên trên đáy biển, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển; về các hoạt động khác nhàm thăm dò, khai thác vùng này vì mục đích kinh tế;

b) Quyền tài phán quốc gia về lắp đặt và sử dụng đảo nhân tạo, thiết bị và công trình trên biển; nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ và gìn giữ môi trường biển;

c) Các quyền và nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật quốc tế.

2. Nhà nước tôn trọng quyền tự do hàng hải, hàng không, quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp của các quốc gia khác trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam theo quy định của Luật này và điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, không làm phương hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.

Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt các thiết bị và công trình trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam trên cơ sở các điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, hợp đồng được ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan.

4. Các quyền có liên quan đến đáy biển và lòng đất dưới đáy biển quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Luật này.

––––––––––––––––––––––––

**Câu 49. Phạm vi và chế độ pháp lý của thềm lục địa theo Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Luật Biển Việt Nam 2012?**

Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 định nghĩa thềm lục địa như sau: "thềm lục địa của một quốc gia ven biển bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển bên ngoài lãnh hải của quốc gia đó, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền của quốc gia đó cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, hoặc đến cách đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải 200 hải lý, khi bờ ngoài của rìa lục địa của quốc gia đó ở khoảng cách gần hơn".

Tuy vậy, các khoản tiếp theo trong điều 76 của Công ước cũng quy định trong trường hợp khi bờ ngoài của rìa lục địa của một quốc gia ven biển kéo dài tự nhiên vượt quá khoảng cách 200 hải lý, như đã nói ở trên, thì quốc gia ven biển này có thể xác định ranh giới ngoài của thềm lục địa của mình tới một khoảng cách không vượt quá 350 hải lý tính từ đường cơ sở hoặc cách đường đẳng sâu 2.500 mét một khoảng cách không vượt quá 100 hải lý, với điều kiện tuân thủ các quy định cụ thể về việc xác định ranh giới ngoài của thềm lục địa trong Công ước và phù hợp với các kiến nghị của Ủy ban Ranh giới thềm lục địa được thành lập theo Phụ lục II của Công ước.

Chế độ pháp lý của thềm lục địa được thể hiện qua các quyền của quốc gia ven biển. Đó là việc thực hiện quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên trên thềm lục địa. Ngoài ra, quốc gia ven biển còn có quyền tài phán về nghiên cứu khoa học biển trên thềm lục địa của mình; quyền đối với các đảo nhân tạo, các thiết bị, công trình trên thềm lục địa; quyền bảo vệ và gìn giữ môi trường biển.

Các quốc gia khác có quyền lắp đặt các dây cáp và ống dẫn ngầm ở thềm lục địa (điều 79), và cần được sự thoả thuận của quốc gia ven biển.

Quyền chủ quyền của quốc gia ven biển đối với thềm lục địa là quan trọng nhất, thể hiện ở chỗ:

Quyền này có tính chất đặc quyền, nghĩa là "quốc gia ven biển không thăm dò hoặc không khai thác tài nguyên thiên nhiên trên thềm lục địa, thì không ai có quyền tiến hành các hoạt động như vậy, nếu không có sự thoả thuận của quốc gia đó" (khoản 2 điều 77).

Quyền này tồn tại đương nhiên và ngay từ đầu, quốc gia ven biển không cần phải chiếm hữu thực sự hay danh nghĩa, và không cần phải tuyên bố.

Phù hợp với các quy định của Công ước, Điều 17 Luật Biển Việt Nam 2012 quy định: Thềm lục địa Việt Nam là đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa.

Điều 18 Luật Biển Việt Nam quy định rõ chế độ pháp lý thềm lục địa Việt Nam như sau:

1. Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền đối với thềm lục địa về thăm dò, khai thác tài nguyên.

2. Quyền chủ quyền quy định tại khoản 1 Điều này có tính chất đặc quyền, không ai có quyền tiến hành hoạt động thăm dò thềm lục địa hoặc khai thác tài nguyên của thềm lục địa nếu không có sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam.

3. Nhà nước có quyền khai thác lòng đất dưới đáy biển, cho phép và quy định việc khoan nhằm bất kỳ mục đích nào ở thềm lục địa.

4. Nhà nước tôn trọng quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp khác của các quốc gia khác ở thềm lục địa Việt Nam theo quy định của Luật này và các điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, không làm phương hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.

Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

5. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt thiết bị và công trình ở thềm lục địa của Việt Nam trên cơ sở điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, hợp đồng ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam.

**Câu 59. Các quyền tự do trên biển cả (vùng biển quốc tế)?**

Các quyền tự do trên biển cả được quy định tại điều 87 Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Theo đó, quyền tự do trên biển cả được thực hiện trong những điều kiện do các quy định của Công ước và những quy tắc khác của pháp luật quốc tế trù định. Trên biển cả, các quốc gia, dù có biển hay không có biển, đều có quyền:

- Tự do hàng hải;

- Tự do hàng không;

- Tự do đặt các dây cáp và ống dẫn ngầm với điều kiện tuân thủ các quy định của Công ước;

- Tự do xây dựng các đảo nhân tạo và các thiết bị khác được pháp luật quốc tế cho phép với điều kiện tuân thủ các quy định của Công ước;

- Tự do đánh bắt hải sản với điều kiện tuân thủ các quy định của Công ước về bảo tồn và quản lý các tài nguyên sinh vật của biển cả;

- Tự do nghiên cứu khoa học với điều kiện tuân thủ các phần về thềm lục địa và nghiên cứu khoa học biển của Công ước;

Mỗi quốc gia khi thực hiện các quyền tự do này phải tính đến lợi ích của việc thực hiện quyền tự do trên biển cả của các quốc gia khác cũng như đến các quyền được Công ước thừa nhận liên quan đến hoạt động trong Vùng.

**Câu 75. Những nội dung cơ bản của Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC)?**

Ngày 4/11/2002 , tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 8 tại Phnôm Pênh (Cam-pu-chia), ASEAN và Trung Quốc đã ký kết Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông. Đây là văn kiện chính trị đầu tiên mà ASEAN và Trung Quốc đạt được có liên quan đến vấn đề Biển Đông và được coi là bước đột phá trong quan hệ ASEAN - Trung Quốc về vấn đề này. Tuyên bố DOC bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Các Bên khẳng định cam kết đối với mục tiêu và các nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp quốc, Công ước Luật Biển 1982, Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á, năm nguyên tắc chung sống hòa bình và các nguyên tắc được công nhận rộng rãi khác của pháp luật quốc tế, coi đây là các quy phạm cơ bản điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia.

- Các Bên cam kết giải quyết mọi tranh chấp lãnh thổ bằng biện pháp hòa bình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực thông qua trao đổi ý kiến và thương lượng giữa các quốc gia có chủ quyền liên quan phù hợp với các nguyên tắc được công nhận rộng rãi của pháp luật quốc tế, trong đó có Công ước Luật Biển 1982.

- Các Bên khẳng định tôn trọng tự do hàng hải và tự do hàng không ở Biển Đông phù hợp với các quy định của Công ước Luật Biển 1982.

- Các Bên cam kết kiềm chế các hoạt động có thể làm phức tạp thêm tranh chấp và ảnh hưởng đến hòa bình, ổn định, trong đó, kiềm chế không đưa người lên các đảo, bãi hiện nay không có người ở.

- Trong khi tìm kiếm giải pháp lâu dài, các Bên cam kết tăng cường nỗ lực để xây dựng lòng tin như:

+ Tiến hành đối thoại quốc phòng,

+ Đối xử nhân đạo với người bị nạn trên biển,

+ Thông báo, trên cơ sở tự nguyện, cho các bên liên quan về các cuộc diễn tập quân sự,

+ Trao đổi thông tin liên quan trên cơ sở tự nguyện.

- Trong khi tìm kiếm giải pháp toàn diện và lâu dài cho vấn đề tranh chấp ở Biển Đông, các Bên có thể tìm kiếm và tiến hành các hoạt động hợp tác trong các lĩnh vực nhạy cảm như:

+ Bảo vệ môi trường biển,

+ Nghiên cứu khoa học biển,

+ An toàn và an ninh hàng hải,

+ Tìm kiếm, cứu nạn trên biển,

+ Đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia như buôn bán ma túy, cướp biển, cướp có vũ trang trên biển và buôn lậu vũ khí. Các Bên sẽ thỏa thuận phương thức, địa điểm và phạm vi của các hoạt động hợp tác này

Các Bên khẳng định việc thông qua Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông sẽ thúc đẩy hơn nữa hòa bình và ổn định trong khu vực và đồng ý sẽ cùng nhau làm việc để đạt mục tiêu này.

**Câu 76. Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông 2002 (DOC) và Quy tắc hướng dẫn triển khai DOC đã được thông qua tại Cuộc họp SOM ASEAN-Trung Quốc ngày 20/7/2011 tại Bali, In-đô-nê-xi-a có vai trò, ý nghĩa như thế nào?**

Có thể thấy việc ký kết Tuyên bố DOC năm 2002 giữa ASEAN và Trung Quốc là kết quả của nỗ lực chung của cả ASEAN và Trung Quốc. Đây là văn kiện chung đầu tiên giữa ASEAN và Trung Quốc trực tiếp liên quan vấn đề Biển Đông. Việc ký kết văn kiện này là một bước tiến quan trọng trong việc đối thoại giữa Trung Quốc và ASEAN về các vấn đề trên biển.

Lãnh đạo cao cấp của ASEAN và Trung Quốc luôn đánh giá cao ý nghĩa của DOC và nhiều lần khẳng định quyết tâm thực hiện đầy đủ DOC và hướng tới COC. Tuyên bố chung của các nguyên thủ và Thủ tướng các nước ASEAN và Trung Quốc về đối tác chiến lược ASEAN - Trung Quốc (Ba-li, In-đô-nê-xi-a ngày 08/10/2003) đã coi việc thực hiện DOC là một biện pháp trong hợp tác an ninh giữa ASEAN và Trung Quốc. Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN - Trung Quốc lần thứ 13 (tổ chức tại Hà Nội ngày 29/10/2010), các nhà lãnh đạo cấp cao ASEAN và Trung Quốc một lần nữa khẳng định lại cam kết triển khai đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông và hướng tới thông qua Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông trên cơ sở đồng thuận, qua đó góp phần duy trì hòa bình, ổn định và hợp tác trong khu vực.

Vai trò của DOC và sự cần thiết thực hiện đầy đủ các cam kết theo DOC cũng được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Điểm 13 của Tuyên bố của Chủ tịch ARF 17 tại Hà Nội nêu rõ "Các Bộ trưởng khẳng định tầm quan trọng của DOC như là một văn kiện lịch sử giữa ASEAN và Trung Quốc, thể hiện cam kết tập thể nhằm đảm bảo các giải pháp hoà bình cho các tranh chấp trong khu vực. Các Bộ trưởng nhấn mạnh hiệu quả của DOC trong việc xây dựng sự tin cậy lẫn nhau và sẽ giúp cho việc duy trì hoà bình và ổn định ở khu vực. Các Bộ trưởng khuyến khích các nỗ lực theo hướng thực hiện đầy đủ DOC và cuối cùng tiến tới COC".

Nhằm triển khai DOC đầy đủ và hiệu quả, Quy tắc hướng dẫn triển khai DOC đã được thông qua tại Cuộc họp SOM ASEAN - Trung Quốc ngày 20/7/2011  tại Ba-li, In-đô-nê-xi-a.

Quy tắc hướng dẫn bao gồm 8 điểm với các nội dung chính quy định việc triển khai DOC phải được tiến hành từng bước theo trình tự của các điều khoản của DOC; triển khai các hoạt động của các dự án của DOC cần được xác định rõ (về bảo vệ môi trường biển, nghiên cứu khoa học biển, an toàn hàng hải và thông tin liên lạc trên biển, hoạt động tìm kiếm cứu nạn, và chống tội phạm xuyên quốc gia bao gồm buôn lậu ma túy, cướp biển và cướp có vũ trang trên biển và vận chuyển vũ khí trái phép); và việc tham gia các hoạt động hoặc các dự án trên tinh thần tự nguyện và các hoạt động ban đầu theo tinh thần của DOC được coi là các biện pháp xây dựng lòng tin...

Ý nghĩa của việc thông qua Quy tắc hướng dẫn triển khai DOC là việc thực hiện DOC không chỉ là triển khai các dự án mà phải thực hiện đầy đủ các quy định khác theo trình tự, đó là tôn trọng quyền tự do hàng hải, bay qua Biển Đông theo các quy định của luật pháp quốc tế trong đó có Công ước luật Biển năm 1982; giải quyết tranh chấp chủ quyền và lãnh thổ bằng các biện pháp hòa bình, không đe dọa hoặc sử dụng vũ lực, thông qua đàm phán và hiệp thương hữu nghị giữa các bên tranh chấp trực tiếp phù hợp với luật pháp quốc tế, bao gồm cả Công ước Luật Biển năm 1982; cam kết tự kiềm chế không làm phức tạp hoặc leo thang tranh chấp làm ảnh hường tới hòa bình và ổn định...

Các khu kinh tế ven biển của Việt Nam đến năm 2020

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Khu kinh tế Vân Đồn (Quảng Ninh) | 9. Khu kinh tế Dung Quất (Quảng Ngãi) |
| 2. Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải (Hải Phòng) | 10. Khu kinh tế Nhơn Hội (Bình Định) |
| 3. Khu kinh tế Nghi Sơn (Thanh Hóa) | 11. Khu kinh tế Nam Phú Yên (Phú Yên) |
| 4. Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An (Nghệ An) | 12. Khu kinh tế Vân Phong (Khánh Hòa) |
| 5. Khu kinh tế Vũng Áng (Hà Tĩnh) | 13. Khu kinh tế Phú Quốc (Kiên Giang) |
| 6. Khu kinh tế Hòn La (Quảng Bình) | 14. Khu kinh tế Định An (Trà Vinh) |
| 7. Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô (Thừa Thiên – Huế) | 15. Khu kinh tế Năm Căn (Cà Mau) |
| 8. Khu kinh tế mở Chu Lai (Quảng Nam) |  |

 (Nguồn: Quyết định số 1353/QĐ-TTg ngày 23/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Quy hoạch phát triển các KKT ven biển của Việt Nam đến năm 2020".)

**Câu 99. Vài nét về Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (từ ngày 01 đến ngày 07 tháng 6 hàng năm)?**

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản lý nhà nước về biển và hải đảo vì sự phát triển bền vững đất nước, cũng như ý nghĩa trọng đại của Ngày Đại dương Thế giới 8/6, năm 2008, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, ngay từ những tháng đầu thành lập đã đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép tổ chức một Tọa đàm về ngày này. Cuộc tọa đàm đã thu hút sự quan tâm của nhiều bộ, ngành Trung ương và các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam. Và những người tham gia tọa đàm nhận thấy cần phải tổ chức Tháng hoặc Tuần lễ biển đảo cho Việt Nam để có những hành động thiết thực hưởng ứng Ngày Đại dương Thế giới 8/6.

Trong quá trình soạn Nghị định Chính phủ về Quản lý tổng hợp tài nguyên và Bảo vệ môi trường biển, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã đồng ý đề xuất của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam đưa vào dự thảo nghị định này "Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam để hưởng ứng Ngày Đại dương Thế giới 8/6 và Ngày Môi trường Thế giới 5/6". Ngày 06/3/2009 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 25/2009/NĐ-CP về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo, trong đó có yêu cầu tổ chức hàng năm "Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam" để hưởng ứng Ngày Đại dương Thế giới 8/6.

Biển và đại dương là nơi dự trữ cuối cùng của loài người về các nguồn lương thực, thực phẩm, năng lượng và nguyên nhiên liệu. Nhưng sự hiểu biết kỹ lưỡng về chúng lại chủ yếu thuộc về các nhà khoa học và các nhà quản lý chuyên ngành, trong khi để quản lý, khai thác lâu dài nguồn lợi khổng lồ này lại cần đến sự tham gia của các bên liên quan, của người dân ven biển và của toàn xã hội.

Biển nước ta giàu tài nguyên thiên nhiên, là nơi nương tựa của hàng chục triệu người dân đất Việt, là không gian sinh tồn của dân tộc, là địa bàn chiến lược trong bảo vệ và phát triển đất nước, là phần Tổ quốc thiêng liêng trên biển của đất nước ta trong bối cảnh hội nhập quốc tế,... Vì vậy, việc tổ chức thành công hàng năm "Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam" với các hoạt động thiết thực đối với đất nước và bắt nhịp với yêu cầu thời đại, sẽ góp phần nâng cao nhận thức cho toàn xã hội, toàn hệ thống chính trị và từng người dân về chức năng, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt của biển và đại dương đối với sự phát triển bền vững đại dương, đối với việc giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu thế giới nói chung và đối với Việt Nam nói riêng. Từ đó khơi dậy ý thức bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, lòng tự hào, ý thức dân tộc của mọi người dân Việt Nam đối với chủ quyền vùng biển của Tổ quốc, đối với chính cuộc sống của cộng đồng và đối với sự nghiệp phát triển kinh tế biển lâu dài của đất nước, góp phần đưa nước ta trở thành một quốc gia giàu lên từ biển, mạnh lên từ biển" theo tinh thần Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020.

Ngày 12/6/2009, Thủ tướng Chính phủ đã có Công văn số 950/TTg-KTN công nhận Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương ven biển tổ chức Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam từ ngày 01 đến ngày 08 tháng 6 hàng năm để hưởng ứng Ngày Đại dương Thế giới (8/6).

Từ đó tới nay Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam đã trở thành một sự kiện được tổ chức thường niên nhằm tôn vinh thế mạnh và tiềm năng của biển hải đảo Việt Nam, nhằm khơi dậy ý thức trách nhiệm với biển và chủ quyền vùng biển đất nước. Thông qua những hoạt động thiết thực được tổ chức, sự kiện đã thu hút và tạo được sự quan tâm, ủng hộ của dư luận xã hội.

Việc Chính phủ chính thức cho phép Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức kịp thời Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam từ năm 2009 (từ ngày 1-8/6) phải được xem là một "mốc sự kiện" có ý nghĩa lịch sử trong lĩnh vực quản lý biển và hải đảo không chỉ ở nước ta, mà cả đối với cộng đồng đại dương thế giới.

–––––––––––––––––––––––––––

**Câu 100. Học sinh, sinh viên Việt Nam cần có ý thức và trách nhiệm như thế nào trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo của ta trên Biển Đông?**

Học sinh, sinh viên (HSSV) là lực lượng trẻ, có tri thức trong xã hội, là tương lai của đất nước, là tầng lớp đi tiên phong trong các hoạt động thúc đẩy cộng đồng quan tâm và có trách nhiệm đối với những vấn đề liên quan đến môi trường, bảo vệ môi trường, phát huy tiềm năng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Chúng ta cần quán triệt lập trường nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là Việt Nam khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; chủ quyền đối với vùng nội thủy, lãnh hải; quyền chủ quyền và quyền tài phán trong vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý và thềm lục địa theo quy định của Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Chủ trương của ta là giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp quốc, luật pháp và thực tiễn quốc tế, Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Tuyên bố giữa ASEAN và Trung Quốc về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) năm 2002. Với lập trường và chủ trương đúng đắn đó, Việt Nam đã chủ động, tích cực triển khai đồng bộ một loạt công tác nhằm tạo cơ sở vững chắc cho việc bảo vệ chủ quyền và lợi ích của ta trên Biển Đông.

HSSV đi đầu trong việc tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam. Đồng thời tranh thủ các nguồn lực và sự ủng hộ từ hợp tác quốc tế với các nước bè bạn và các tổ chức quốc tế trên mọi lĩnh vực.

Tăng cường học tập, nghiên cứu, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý bảo vệ và phát triển bền vững biển, đảo.

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển, hải đảo.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển.

Xây dựng và quảng bá thương hiệu biển Việt Nam.

Góp phần tuyên truyền nâng cao nhận thức về vị thế quốc gia biển và hội nhập quốc tế trong quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, đảo.

Khuyến khích học sinh, sinh viên tham gia vào học các ngành nghề liên quan tới biển, đảo.

**Bạn cho biết về mục tiêu xây dựng, kể tên và quá trình thành lập những đảo thanh niên hiện nay mà bạn biết?**

Mục tiêu xây dựng đảo thanh niên là phát huy vai trò xung kích sáng tạo của tuổi trẻ, trực tiếp là Thanh niên xung phong tình nguyện ra đảo định cư lâu dài, ổn định để hình thành một đơn vị hành chính mới, nhằm khai thác tiềm năng lợi thế của đảo kết hợp bảo vệ chủ quyền an ninh vùng biển quốc gia, gắn với phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái. Thông qua đó, giáo dục tinh thần lao động, ý chí vượt khó; giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Trong những năm qua, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã xây dựng Đề án và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý phê duyệt đảo Thanh niên Bạch Long Vĩ và đảo Thanh niên Cồn Cỏ.

**- Đảo Thanh niên Bạch Long Vĩ:** Bạch Long Vĩ có diện tích khoảng 2,7 km2 khi thủy triều cao và 3,2 km2 khi thủy triều thấp, nằm giữa ngư trường vịnh Bắc Bộ, là đảo xa bờ nhất trên vịnh Bắc Bộ, cách Hải Phòng 133 km và cách đảo Hải Nam (Trung Quốc) khoảng 130 km. Năm 1957, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập đơn vị hành chính cấp xã thuộc UBND thành phố Hải Phòng. Cuối năm 1965, khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, toàn bộ ngư dân được di chuyển vào đất liền, từ đó chỉ còn lực lượng vũ trang trên đảo. Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Thành ủy thành phố Hải Phòng, ngày 26/2/1993 Thành đoàn Hải Phòng đã tổ chức Đội thanh niên xung phong với 62 đội viên ra lập nghiệp tại đảo, xây dựng quê hương mới, góp phần bảo vệ chủ quyền Tổ quốc. Để góp phần cùng quân dân huyện đảo Bạch Long Vĩ đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội kết hợp bảo vệ quốc phòng an ninh, phát huy vai trò xung kích của tuổi trẻ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng đảo của Đoàn Thanh niên cộng sản Cu Ba, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đề xuất sáng kiến phối hợp với UBND thành phố Hải Phòng xây dựng đảo Bạch Long Vĩ thành Đảo Thanh niên. Dự án xây dựng Đảo Thanh niên đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại Văn bản số 3110/VPCP-NC ngày 12/8/1998.

**- Đảo Thanh niên Cồn Cỏ:** Đảo Cồn Cỏ cách bờ biển Vĩnh Linh, Quảng Trị 27 km về phía Đông, cách cảng Cửa Việt 30 km, diện tích khoảng 2,3 km2. Cồn Cỏ là đảo tiền tiêu có vị trí quan trọng về quốc phòng an ninh và phát triển kinh tế biển ở khu vực cửa vịnh Bắc Bộ. Chính vì vậy trong phân định vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc, đảo Cồn Cỏ được sử dụng làm một điểm đóng cửa vịnh và được hưởng 50% hiệu lực. Trong tương lai, Cồn Cỏ tiếp tục đóng một vai trò quan trọng trong phân định ranh giới biển giữa Việt Nam và Trung Quốc tại vùng biển ngoài cửa vịnh Bắc Bộ. Xuất phát từ vị trí quan trọng của đảo trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc, trên cơ sở kinh nghiệm xây dựng đảo Thanh niên Bạch Long Vĩ năm 2001, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đồng trình và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho xây dựng đảo Cồn Cỏ thành đảo Thanh niên.

- Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đang lập đề án thí điểm xây dựng đảo Thanh niên toàn quốc giai đoạn 2011 - 2020. Bao gồm: Tiếp tục xây dựng Đảo Thanh niên Bạch Long Vĩ, thành phố Hải Phòng; Đảo Thanh niên Cồn Cỏ, tỉnh Quảng Trị và xây dựng mới Đảo Trần, tỉnh Quảng Ninh, Đảo Hòn Chuối, tỉnh cà Mau và Đảo Thổ Chu, tỉnh Kiên Giang.